

Mùa Hè Đỏ Lửa

Phan Nhật Nam

I

Mùa Hè, những cơn mưa bất chợt ùn ùn kéo đến, ào ạt chụp xuống núi rừng Kontum, Pleiku... Trời thoắt trở lại xanh, cao khi mưa dứt, nắng hanh vàng âm trong không khí gầy gầy lạnh, những đồi cỏ xanh dọc Quốc Lộ 14 bắt đầu óng mượt, cánh cỏ non lớn dài phơi phới dưới sau trận mưa đầu mùa và thung lũng xa vàng rực hoa hướng dương. Không khí, gió, trời mây và cỏ cây thay đổi hẳn, mới mẻ toàn khối, toàn sắc, vùng cao nguyên lộng lẫy, triền miên với từng hạt nắng vàng ói tan vỡ trên đồng cỏ xôn xao gió thổi...

Mùa Hè, gió Lào miền Quảng Trị, Thừa Thiên thổi từng luồng, từng chập, đưa “con trốt” chạy lừng lững trên cánh đồng cát chói chang, những đồi hoa sim, hoa dù khẽ rung rinh bốc khói dưới mặt trời hạ chí. Giòng nước sông Hương, sông Đào, sông Bồ, Mỹ Chánh, Thạch Hãn đục hơn, thâm màu hơn, lẫn lẫn từng sợi sóng nhỏ len lỏi khó khăn qua kẽ đá, bãi cát, chậm chậm chảy về phía Tam Giang, cuốn trôi theo đám lá tre già khô úa.

Mùa Hè, những con đường thành nội Huế lốm đốm ánh trắng xuyên qua cành lá, cô gái chuyển tấm lưng sau lớp tóc dài dày kín, nâng khối tóc xôn xao lên khỏi chiếc gáy để cơn gió ngán len qua hàng rào chè xanh thổi khô đi lớp mồ hôi rịn trên những lông tơ nõn.

Mùa Hè, mưa rào tầm tắp đổ xuống kín trời An Lộc, chập chùng ẩn hiện những thân cây cao su nhòa vào nền trời xám tối, khu rừng biến thành khối đêm đen trong khoảng khắc, khối đen chuyển dịch, vẫy vùng ào ạt theo từng cơn lốc gió... Mưa tan, trời tạnh, ánh trắng lạnh nhô lên từ phương tây, cuối bình nguyên lộng lộng, núi Bà Đen ẩn một nét đen thâm thân bí trên nền trời xanh ánh trắng. Và đàn nai bắt đầu tung tăng từ đầu nguồn, cuối lạch... Đàn nai chạy vun vút qua rừng cây, trên đồng cỏ mượt sóng, chạy và ngừng lại, “bép” mấy tiếng âm u cùng ánh trắng chập chờn trên sóng cỏ.

Mùa Hè, mùa đẹp đẽ, tươi gắt căng sức sống, ngày ngày nỗ lực trên mặt nước loáng ánh nắng hay đồng lúa nặng hạt. Hạt ngọc của trời, và người dân cất cao tiếng hò...

Được mùa chó phụ môn khoai,

Đến năm Thân, Dậu lấy ai bạn cùng...

Tiếng hò chạy dài trên lúa, theo cơn gió đưa ra đến đầu ghènh, cuối cửa sông, tan biến vào cùng sóng nhỏ... Trên mặt nước, con đò xuôi về Thế Chí, Đại Lộc dọc Phá Tam Giang ¹, lại vang dội một giọng hò khác phảng phất nét tàn tạ bi thảm của hơi Nam Ai thể thiết... Hò... ơ... ai... về... ạ... ạ... Đại... Lộc... ạ... ạ... ai vượt... ạ... ơ... Kế Môn...

Đã từ lâu...Lâu lắm, người dân của ba miền đã qua những mùa hè trong cạn đáy khắc khoải để hy vọng tiếp tục đời sống với mơ ước chỉ đầy chén cơm. Nhưng mùa Hè năm nay, 1972 tất cả hy vọng và mơ ước nhỏ nhoi tội nghiệp kia tan vỡ trong tận cùng kinh ngạc. Bao năm qua, chiến tranh đã quá nặng nề, chiến tranh quá dài, dài thê thảm, dài đau đớn tràn ngập. Người dân Việt mong mỏi đi qua thêm một mùa, một năm, chiến tranh lắng dịu và được sống sót. Nhưng, 30 tháng 3 ở Đông Hà, 24 tháng 4 ở Tân Cảnh, 7 tháng 4 ở An Lộc, 1 tháng 5 cho Huế và Quảng Trị... Hoài Ân, Tam Quan, Bông Sơn, Bình Giả, Đất Đỏ... Toàn thể những địa danh nơi hốc núi, đầu rừng, cuối khe suối, tận con đường, tất cả đều bốc cháy, cháy hừng hực, cháy cực độ...Mùa Hè 1972, trên thôn xóm và thị trấn của ba miền đồng bốc cháy một thứ lửa nhân tạo, nóng hơn, mạnh hơn, tàn khốc gấp ngàn lần, vạn lần khối lửa mặt trời sát mặt. Lửa ngùn ngụt. Lửa bùng bùng. Lửa kêu tiếng lớn đại pháo. Lửa lép lép nức nở thịt da người nung chín. Lửa kéo dài qua đêm. Lửa bốc khói mờ trời khi ngày sáng. Lửa gào chêm tiếng

khóc của người. Lửa hốt hoảng khi cái chết chạm mặt. Lửa dậy mùi thầy ma. Lửa tử khí trùng trùng giăng kín quê hương thê thảm khốn cùng.

Kinh khiếp hơn Ất Dậu, tàn khốc hơn Mậu Thân², cao hơn bão tố, phá nát hơn hồng thủy. Mùa Hè năm 1972- Mùa Hè máu. Mùa Hè của sự chết và tan vỡ toàn diện. Mùa Hè cuối đáy điêu linh. Dân tộc ta sao nữ quá đọa đày!

Ba sư đoàn bộ binh 304, 308, 324B, cùng sáu trung đoàn địa phương của Khu 5, ba trung đoàn chiến xa, hai trung đoàn đặc công và một sư đoàn pháo nặng 130 ly, cho mặt trận Trị-Thiên. Ba sư đoàn 5, 7, 9, tăng cường sư đoàn Bình Long, hai trung đoàn 202 và 203 chiến xa, được yểm trợ bởi một sư đoàn pháo nặng tại mặt trận An Lộc. Hai sư đoàn 320 (Thép) và Sao Vàng, một trung đoàn chiến xa tấn công vào Tân Cảnh, Kontum; hướng tiến được dọn đường bởi một trung đoàn pháo đặt từ rặng Big Mama Mountain, vùng Ba biên giới Việt-Miên-Lào. Cộng quân chơi trò chơi máu, mở đầu những “ngày hè đỏ lửa”, trận cuối cùng để tìm kiếm kết thúc cho mười năm chiến tranh “giải phóng” cận lục, sau “tổng-công-kích thất bại Mậu Thân 1968”.

Quân ta phải chống lại. Chống giữ để tự vệ. Chống trả nơi biên giới cuối cùng: Tự Do hay nô lệ. Sống hoặc Chết. Trận đấu quyết tử và trận chiến cực điểm. Ba tháng hay 100 ngày chiến trận, những kỷ lục chiến trường thay đổi từng nấc, từng bậc lớn, từ 2,000 quả đạn cho cứ điểm Charlie, Kontum đến 8,000 quả cho An Lộc. Bắc quân đi bước tàn nhẫn không nương tay và quân dân Miền Nam đồng lòng cự với nỗ lực cao nhất tại “Điểm đứt hơi - Điểm vỡ của chiến trận”. Chúng ta đã chiến đấu giữ vững và kiêu hùng chiến thắng.

Hôm nay, ngày đầu tháng 8, cuộc đại chiến đã bước qua tháng thứ tư, và có cơ kéo dài thêm một thời gian nữa, nhưng quân dân ta cắn răng, ngậm chặt, hứng hết tai họa, đựng đầy khổ nạn... Chịu thêm nữa cũng thế, đánh thêm nữa cũng được. Trong nguy nan, Dân tộc biến thành “Thánh chịu nạn”. Dân tộc kiêu dũng, quật cường, vượt qua, bất chấp tất cả để tồn tại. Ngọn lửa Mùa Hè 1972 nung độ nóng cao nhất trui rèn chúng ta - Người Việt Nam muốn sống đời đáng sống của Người - Người Tự Do.

Được đi, chứng kiến và dự phần vào ba mặt trận, ba vùng đất quê hương, người viết không mong gì hơn ghi lại một vài khía cạnh của cuộc chiến - Cuộc chiến vĩ đại vượt mọi chiến tranh - Mà phải một ủy ban quân sự, trong thời gian dài mới có khả năng, điều kiện thu thập và đúc kết toàn thể. Vì chỉ ghi được biên cố qua một vài khía cạnh, với những người, đơn vị lâm chiến quen thuộc; người viết xin tạ lỗi do những thiếu sót mà một cá nhân không thể nào tránh khỏi, và đã phải viết lại từ một khoảng ngày tháng quá gấp rút.

Viết lại,

Ngày Quân Lực VNCH,

Tháng 6, 1998.

Mùa Hè, Đất Mỹ.

o o o

I

CHARLIE,

Tên nghe quá lạ

Quả tình nếu không có trận chiến mùa Hè 1972, thì cũng chẳng ai biết đến Charlie, vì đây chỉ là tên quân sự dùng để gọi một cao độ nằm trong chuỗi cao độ chập chùng vùng Tân Cảnh, Kontum. Charlie, “Cải Cách” hay “C,” đỉnh núi cao không quá 900 thước trông xuống thung lũng sông Pô-kơ và Đường 14, đông-bắc là Tân Cảnh với mười hai cây số đường chim bay, đông-nam là Kontum, thị trấn cực bắc vùng Tây Nguyên. Charlie bị bao vây bởi Căn Cứ 5, Căn Cứ 6 ở phía bắc, những mục tiêu quân sự nổi tiếng, những vị trí then chốt giữ cửa ngõ vào Tân Cảnh mà bao nhiêu năm qua, bao nhiêu mùa hè, mùa mưa rào, báo chí hằng ngày trong và ngoài nước phải nhắc tới khi những hạt mưa đầu mùa rơi xuống vùng núi non, cạnh sườn cực tây địa giới nước Nam.

Năm nay, sau bao nhiêu lần thử thách từ mùa mưa 1971 qua đầu xuân 1972, Bắc quân vẫn không vượt qua được cửa ngõ hai căn cứ số 5, số 6, thế nên cộng quân đổi hướng tiến, lòn sâu xuống phía nam hai căn cứ trên để tiếp tục sự nghiệp “giải phóng” với mục tiêu cố định: Tân Cảnh, cắt Đường 14.

Vòng đai Lữ Đoàn II Nhảy Dù nằm về phía trái quốc lộ có hình cánh cung bắt đầu bởi căn cứ Anh Dũng ở cực bắc đến Yankee hay Yên Thế, ngã lùn xuống nam với Charlie, Delta, Hotel, Metro và chót hết là Bắc Ninh, phía đông Võ Định, nơi đặt bộ chỉ huy lữ đoàn. Vòng đai này có nhiệm vụ che chở phía trái đường 14, phát hiện sự di chuyển từ đông sang tây của địch xong dùng phi pháo để tiêu diệt. Đây là lý thuyết chiến thuật, quan niệm hành quân của phía cộng hoà đối với mục tiêu và hướng tiến của phía cộng sản hằng bao nhiêu năm. Nay địch thay đổi đường đi và quân ta lập vòng đai nhảy dù... Yankee, Charlie, Delta bắt đầu được đặt tên để tiếp nhận định mệnh tàn khốc trong cuộc chiến trùng trùng. Đoạn sau kể về trận đánh ở Charlie, trận đánh nhỏ của một tiểu đoàn nhảy dù, nhưng điển hình cho toàn thể bi hùng cực độ về người Lính Chiến Việt Nam.

Đến đây,

Người gặp Người

Đường mòn Hồ Chí Minh trên đất Lào khi chạy đến vùng Ba Biên Giới phía đông cao nguyên Boloven chia ra hai nhánh; nhánh thứ nhất từ Chavane đâm thẳng biên giới Lào-Việt xuyên qua dãy Chu Mon Ray để nhắm vào Darkto; nhánh thứ hai từ Bản Tasseng qua trại Lệ Khánh, và Kontum là mục tiêu cuối cùng của quan niệm chiến thuật Bắc quân: Phải chiếm giữ thị trấn cực bắc này để làm bàn đạp lần tấn công Pleiku, rồi từ đây tiến về phía đông, xuống bình nguyên tỉnh Bình Định. Gọi nhánh thứ nhất là nhánh Bắc và nhánh thứ nhì là nhánh Nam. Trong chiến dịch Xuân-Hè 72 của Mặt Trận B3 (chiến trường Tây Nguyên), đường rẽ phía Bắc được sử dụng, từ đỉnh 1773 của núi Chu Mon Ray, con đường không thể gọi là một nhánh nhỏ của “đường mòn Hồ Chí Minh” nữa, nhưng phải gọi đó là một “Bypass” của một cái lộ tuyến phẳng phiu trơn láng, chạy ngoằn ngoèo qua các cao độ, đổ xuống những thung lũng hun hút của dãy Big Mama Mountain rồi bò theo hướng đông đến đỉnh Kngok Kon Kring. Đỉnh núi này cao quá, con đường phải quẹo qua trái, đi lên cao độ 960 và tạm dừng lại. Dừng lại, vì phía đông, hướng trước mặt chỉ cách mười cây số, con sông Pô-Kơ dậy sóng... Con sông ầm ồ qua ghè đá, ào ào đi giữa rừng xanh núi đỏ. Bên kia sông, Quốc Lộ 14 chỉ

khoảng trên dưới sáu cây số và đầu con đường là Tân Cảnh, mục tiêu của bao chiến dịch. Từ ngày chiến tranh “giải phóng” bùng nổ.

Đây rồi, “...nồi cơm điện National” đây!! Tân Cảnh hấp dẫn ngon lành như cô gái yếu đuối hờ hênh thụ động nằm dưới thung lũng bát ngát ở đằng kia. Bộ đội ta tiến lên! Nhưng không được nữa, con đường đã bị dừng lại, và bộ đội ta dù được “tùng thiết”, dù được đại pháo “dọn đường” cũng phải dừng lại, vì đỉnh 960 chính là bãi đáp C, là cứ điểm Charlie và Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù đã xuống LZ này từ ngày 2-4. Con cháu Bác và Đảng phải ngừng lại bố trí trận địa. Nỗ lực kinh khiếp kéo dài trên năm mươi cây số đường núi, từ ngã rẽ đất Lào phải dừng lại vì chạm phải “sức người”. Ở đây - Người đã gặp nhau.

Vực thấp, đỉnh cao, bạt núi, xẻ đèo, những con người cuồng tín và tội nghiệp của miền Bắc đã làm được tất cả. Con đường núi của Tướng Stiwelle từ Miến Điện đến Trưng Khánh, Trung Quốc năm 1945 đã là một sự khủng khiếp - Đường xuyên sơn vạn dặm, dài thật dài, quanh co khúc khuỷu lồi lõm giữa núi rừng nhiệt đới, con đường nổi tiếng đúng như tầm vóc và giá trị của nó - Cả nước Tàu sống bám vào cái ống cứu nguy thậm thọt hun hút này. Vào thời điểm đầu thế chiến, nước Tàu, đồng minh “tuyệt vời cần thiết” của người Mỹ dễ thương cần phải sống để chống đỡ trục Bá Linh - Đông Kinh. Con đường quả đáng tiền và đáng sợ. Nhưng đường này làm bằng máy, dưới sự yểm trợ và che chở của các “Ông Biển” hảo hạng, những người lính công binh chiến đấu hãnh diện của Mỹ Quốc giàu sang hùng mạnh. Năm mươi cây số đường xuyên sơn của “bộ đội ta” thì khác hẳn. Bộ đội đào bằng tay trong đêm tối. Bộ đội lấp hố dưới tấm lưới lửa thép của B52, trên những giải thảm tử thần dây lều bom bi CBU. Sức người và lòng cuồng tín ghê gớm đã vượt qua giới hạn. Đấy không còn là người với thịt da biết mệt mỏi đau đớn, cũng không là người với trí óc biết nguy hiểm và sợ hãi. Bắc quân, khối người vô tri tội nghiệp chìm đắm trong ảo tưởng và gian nguy triền miên. Con đường sạn đạo vào đất Ba Thục tân thời được hoàn thành từng phân từng thước... Bắc quân theo đó đi về Đông.

Nhưng đến đây, ở cao độ 960, người lính Bắc Việt không tiến được nữa vì đã gặp “người”- Người rất bình thường và giản dị. Người biết lo âu, sợ nguy hiểm. Người có ước mơ và ham muốn vụn vặt. Những người không thần thánh hóa lãnh tụ và tin tưởng Thiên Chúa cũng chỉ là bạn tâm tình. Nhưng đó cũng là những người lính đánh giặc “tối” nhất của Quân Lực Miền Nam, chỉ huy bởi những sĩ quan miệt mài trên dưới mười năm trận địa. Những sĩ quan biết đánh hơi rất chính xác khả năng và ý định của đối phương. Bắc quân dừng lại giữa đường, ảo tưởng bị công phá và tan vỡ- Họ gặp lính Nhảy Dù Việt Nam.

Trận đánh trên cao điểm

Anh Năm (Trung Tá Nguyễn Đình Bảo, Tiểu Đoàn Trường 11 Dù) bố trí quân “hết sảy”. Cứ điểm C hay Charlie chính thống, cao độ 960 giao cho “thằng 1”, đại đội 1 do Thịnh, trung úy khoá 25 Thủ Đức chỉ huy. Thịnh trẻ tuổi đời lẫn tuổi lính. Thịnh có vẻ yếu trước mắt mọi người vì Thịnh...đẹp trai! Đã đẹp trai, tốt mã thì đánh giặc hơi yếu. Chẳng hiểu sao phần đông là như thế?! Những anh có vẻ tài tử, ăn nói ngon lành, rồn rảng thường hay lạnh cẳng... Nhưng nghĩ cho kỹ thì cũng công bằng thôi, con người mà, được cái này thì mất cái kia. Nhưng anh Năm dưới cái nhìn sắc sảo của con ó, kèm theo “suy tư “ của phó Mễ đã chọn Thịnh để giữ Charlie vì cả hai người chỉ huy đều chắc một điều: Đây là một tay “dur”, loại liều, thứ “kép trẻ đang lên” của trận địa. Thịnh được lãnh hãnh diện “Nhất kiếm trấn ãi” và những ngày sau Thịnh đã chứng tỏ, người chỉ huy mình đã không nhầm lẫn. Phía bắc của C giao cho đại đội 3, do Hùng “mập” làm đại đội trưởng. Hùng chỉ là đại úy thôi, nhưng “người” có đủ tác phong và khả năng để “tiến” xa hơn. Vì “người” cũng là tay văn nghệ, “lãnh tụ” sinh viên, có kích thích cơ thể và tính chất của tướng Thăng, ông “tướng sạch nhất

“ của quân đội và cũng là ông tướng học giỏi nhất!! Nhưng giờ này Hùng chỉ là “simple captain” nên cam phận dẫn quân lên trấn giữ phía bắc Charlie, căng mìn bẫy, đào hầm chờ con cháu Bác, những chiến sĩ Điện Biên... Điện Biên cái con bà nhà nó, lúc xưa bố nó đánh Điện Biên chứ đâu phải nó hôm nay, trong họ tôi có ông chú làm tiểu đoàn trưởng đánh cái Điện Biên khi gió kia... Bây giờ tụi nó là cái chó gì..Chẳng nhẽ tôi là lính Tây cà-lồ sao?! . Phần còn lại tiểu đoàn lên cao điểm 1020 hay C2. Anh Năm bảo Mễ:

- Mình giữ hột lạc (cao độ bản đồ thường tượng hình hột lạc) này vì phía nam tao chắc toàn tụi nó, lệnh hành quân bắt buộc mình phải giữ cửa thặng Charlie. Ket lăm, trước sau gì tụi nó cũng phải chiếm thặng Charlie này, và mình thì chỉ việc “thủ”?! Bố khi, thôi đã xuống đây thì phải giữ chứ biết làm sao, hôm đi họp hành quân được nhận tin tình báo từ quân đoàn, sư đoàn 320 (Sư đoàn Điện Biên cộng sản) đã rút về tây, vào đất Lào!!

- Anh Năm yên chí, mình “hơn tiền “ tụi nó!! Mễ chắc giọng.

Nhưng thật ra tất cả chỉ là những câu nói bề mặt, phần trong, đằng sau lý luận và phân tích, do những kinh nghiệm và nhạy cảm riêng về chiến trường, mọi người đều có chung ý nghĩ: Xong rồi, mình đã lọt bẫy!! Bởi, chiến tranh miền núi là chiến trường giữa những cao điểm; đành rằng C và C2 cũng là những cao độ, nhưng 960 và 1020 làm sao chế ngự được những đỉnh 1773, 1274, 1512 của rặng Big Mama Mountain và tiếp theo một dãy đường đỉnh nam rặng Chu To Sang... Và pháo binh của tụi nó. Pháo và kèm theo một “rừng cối”, gồm một hệ thống súng cối có đường kính từ 80 ly trở lên hoặc sơn pháo bắn thẳng... Sự thông minh và tinh tế về chiến trường của toàn bộ sĩ quan tiểu đoàn ngừng lại ở đây. Họ không dám nghĩ thêm. Phần lệnh hành quân đã giao cho họ một đỉnh núi trơ trọi để sửa soạn vinh quang cùng cái chết. Họ chỉ có một đỉnh Charlie đang hùng hực bốc hơi dưới nắng hè hạ chí trời Tây Nguyên. Định mệnh, sức mạnh khắc nghiệt khôn kiếp đã bắt phải như thế. Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù không còn khả năng chọn lựa. Như cuối cùng cái chết thế nào rồi cũng phải tới cho dù người lính hăng chiến đấu quyết liệt bao nhiêu.

Ngày 6, cứ điểm Delta ở phía Nam bị đánh. Đúng chiến thuật, lính ông Giáp tưới xuống một trận mưa pháo, cối và hoả tiễn. Đêm thật dài, người ở Charlie chờ đợi và theo dõi...Tiên sư, tụi thặng Mạnh (Tiểu đoàn 2 Dù giữ Delta) bị rồi.. Xem thử tụi nó đánh đấm ra sao? Bộ chỉ huy tiểu đoàn 11 Dù chong mắt vào loa khuếch đại máy truyền tin để nghe kết quả... Trời sáng dần, Delta lấy lại được, quân ta thắng. Anh Năm nhìn Mễ:

- Mày thấy đấy, chúng sẽ chơi với mình cũng với cách này, chúng sẽ lấy kinh nghiệm ở Delta để “dứt điểm” mình. Toàn thể bộ chỉ huy im lặng. Mọi người đều có ý nghĩ chung. Bao giờ đến lượt mình? Bao giờ?

Nhưng anh Năm không thụ động, con hổ dù bị nhốt trong chuồng vẫn còn nguyên phong độ, uy lực riêng. Không cần phải luận lý lâu lắt. Đây, quyết định của anh:

- Mễ, mày đem hai thặng 2 và 4 (Đại đội 2 và 4) lên chiếm cho tao cái này. Anh chỉ vào một cao điểm ở nam C2. Nếu chiếm được mình sẽ cho một thặng lên giữ nó, mình đã bị phân tán mỏng thì cho mỏng luôn, càng mỏng càng tốt, tránh được pháo, đỡ bị tụi nó vây... Mày nghe chưa?

Mễ gật đầu, anh năm thấy, nó cũng chung ý nghĩ. Đã vào bẫy thì tìm cách thoát ra, một đỉnh núi không thể là vị trí cố thủ. Tôi nghe anh rõ. Mễ trả lời. Trời vừa sáng, Mễ quay bảo Hải, sĩ quan trưởng ban 3 (Ban hành quân),

- Ông cho hai thằng 2, 4 chuẩn bị, mình đi làm ăn. Không thể ngồi đợi tụi nó tới đây rúc rìa, cầu xé được...

Ba đợt xung phong không thành, Bắc quân quả không đại đợt bỏ vị trí rất nhiều ưu điểm; cũng bởi sườn quá dốc, quân ta dù can trường, dùng tay lấn chân cũng không thể nào “chạy” qua được hàng lưới lửa của 12ly7 (đại liên phòng không hoặc chống chiến xa) hoặc sơn pháo 75 ly bắn thẳng!!

- Cho thằng Mễ lui! Anh Năm bảo Hải. Trán cau lại, anh nhìn xuống đất, gỡ kính, chớp mắt, nói nhỏ sau tiếng chặc lưỡi : Mình bị một con dao đâm lút cán vào lưng!!

Những ngày sau tương đối bình yên, hằng ngày các đại đội tung các đứa con ra xa lục soát, chỉ trừ đường về phía nam, nơi tụi “khốn nạn” đang chui trong núi. Làm sao “móc” chúng ra được? Bom thả xuống hằng ngày, nhưng chỉ là bom miêng... Mẹ...hầm tụi nó đào theo chữ U hoặc con c... gì gì thì làm sao bom “lách” vào được?! Anh Năm đi lại trên đỉnh đồi nhìn bốn hướng trùng trùng và xa xa trong ánh nắng về phía Tây, cuối con đường trong vùng núi Lớn có lớp bụi mù...

...Xe chúng nó! Xe chúng nó! Tăng hay GMC của tụi nó...Bom!! Bom... Gọi lữ đoàn Hải,

- Để em gọi, nhưng Molotova chứ đâu phải GMC, anh Năm!

- Thì đây là GMC của Nga, mày biết mẹ gì!!

Đàn em thì bao giờ cũng ‘chẳng biết mẹ’ gì. Anh Năm vốn hay phủ đầu như vậy. Nhưng đây chỉ là một cách nói, bởi anh rõ ưu điểm của từng người như một máy ghi âm cực tốt. Máy bay ta ào tới, con đi “Lan 19” lượn một vòng trên vùng chỉ định, cho “ra” một trái khói... Khu trục nhào xuống tiếp theo, bom nổ dâng cột khói lên cao.

- Tiên sư, bom ném thì hay nhưng sợ tụi nó trốn rồi, nó lại không trốn luôn mà quay trở lui về phía mình thì bỏ mẹ...

Sau cơn bom, khói bay lên không trung, qua bóng nắng đằng xa thung lũng lại có lớp bụi mới bồi từng chập...

...Tăng! Tăng...tăng nữa, đông quá, tụi nó chưa bị... Tiên sư, nó trốn ở đâu nhi? Trên đồi cao, anh Năm đứng im như con báo nhìn lũ sài lang tiền tới hằng hằng lớp lớp. Làm gì được bây giờ... Không lẽ xin thêm phi tuần khu trục?

Ngày 11, trận địa pháo bắt đầu. Pháo thật sự của 122 và 130 ly ào ào trút xuống C1, C 2, C3...Không phải từng trái, nhưng từng chùm, từng loạt... Một, hai, ba....Hải cố gắng đếm,

- Mày làm gì thế, điên sao em?! Anh Năm vừa hỏi vừa cười,

- Mình gắng đếm để báo cáo cho chính xác!!

- Thế thì mày phải đếm hàng chục một, một chục, hai chục... Tụi nó đâu “đi tiền” lẽ!!

- Tụi nó “chơi” tôi! Thịnh ở Charlie báo cáo qua máy.

- Mày giữ nổi không? Anh Năm cướp ống liên hợp máy truyền tin trên tay Hải.

-Trình “địch thân”, suya là tôi giữ được, xin cho pháo mình nổ gần tôi thêm chút nữa...

Pháo căn cứ hoả lực Võ Định (Nơi đặt bộ chỉ huy lữ đoàn) bắn tới tới trước, rơi xuống sườn phía đông Charlie... Đạn 105 và 155 nổ từng trái một, khói bụi tung lên trông rõ.

... Mẹ, bắn gì “quí phái” vậy, nó tấn công chính diện ở phía tây, mày xin pháo căn cứ 5 bắn xuống để ăn hơn!!

Hải bốc ba, bốn cái máy truyền tin một lúc, năm ngón tay chuyên “xoá”, “nặn” di chuyển trên giàn ống liên hợp lẹ như chớp... Thằng này gọi là “Hải khều” cũng phải, nó khều cái gì đúng cái đó!! Anh Năm phía cầu khời hải đúng lúc, Hainheo mắt cười thích chí.

Pháo căn cứ 5, và hai căn cứ Sơn Tây, Mạnh Mẽ cùng ào xuống, vây quanh Charlie vòng đai lửa. Đây! Đây...phải như thế mới được. Anh Năm gật gù tán dương, đồng lúc tiếng Thinh vang vang qua loa khuếch đại,

- Trình địch thân cứ cho gà nó “đá” như thế, em đánh tụi nó de ra như đuôi con nít... Tốt! tốt...cho gần hơn năm mươi thước nữa thì tốt hơn, ngay trên tuyến em cũng được!!

Bốn mươi lăm phút sau, pháo im bật, cả ta lẫn của địch. Anh Năm lên hầm chong ống nhòm xem đại đội 1 bên đồi C lục soát chiến trường. Súng và xác bộ đội cộng sản nằm lênh kênh chật kín đồi đất đỏ.

- Nó đánh thẳng 1 là để dợt chơi, cú dứt sẽ với mình,

- Trung tá, trên họ không tin nó pháo mình bằng 130 ly?! Hải báo cáo, giọng mỉa mai.

- Gì? Anh Năm chỉ gật được một tiếng. Như thế là người đang nổi cáu. Trường hợp này vốn rất ít, vì anh vốn trầm tĩnh, sự giận chỉ đến sau chót, khi đã cuối cùng chịu đựng.

- “Họ” bảo mày sao? Chữ “họ” được gần xuống khinh thị!!

- “Họ” bảo mình kiếm mảnh 130 để gởi về!! Chữ “họ” thứ hai qua cách nói của Hải cũng đáng cay không kém.

- Đến đây mà kiếm, muốn thấy súng của chúng thì cũng đến đây, tao như thế này không lẽ la hoảng, báo cáo láo sao?! Anh đá một hòn đất bay tung... Mẹ, nó xài toàn đạn delay ³ mới thế này đây! Câu nói ngắn đau đớn của niềm phẫn nộ tuyệt vọng.

- Cho sửa sang hầm hố, ngày mai gì tụi nó cũng “chơi” lại. Trước khi bước đi, anh quay sang Hải, dặn thêm: Mày trình với lữđoàn, để nói với quân đoàn, đây là đạn 130 ly thật. 130 ly xuyên phá. Mày bảo tao nói thế.

Đêm xuống thật mau, đêm của núi rừng thâm màu và đầy bóng tối đe dọa. Sao trên cao lấp lánh, sương mù dùn lờp... Đêm như có hình khối chuyển dịch. đêm chất chứa che dấu hàng ngàn sinh vật đang bò dần vào cứ điểm. Đêm cũng vô cùng im lặng, nhưng nổi im lặng kinh dị như khoảng cách từ khi viên đạn ra khỏi nòng súng và sắp sửa “chui” xuống mái hầm, hố phòng thủ. Trong bóng tối, mấy trăm con người trên ba cứ điểm dựng đứng đôi mắt xuyên thủng qua bóng tối. Và chờ. Ngủ chỉ là khoảng cách ngắn để đôi mắt khép lại, đầu gục xuống, xong giật mình tỉnh giấc với nỗi “lo lắng” như vừa qua cơn mê thiếp dài, và trong khoảng khắc “dài thăm thẳm chóng vánh” này, hình như quân địch đã tiến sát gần hơn!! Tiểu đoàn 11

Dù qua đêm trong chập chờn sắc buốt với cảm giác viên đạn vô hình đang bay thẳng vào mặt. Có ráng hồng bên kia núi... Ngày đã tới. Ánh sáng đẹp âm vang hân hoan, như ân huệ nồng nàn vừa được sống sót qua thêm một đêm.

Ngày cuối của một người

Ngày 12 bắt đầu. Lính cong lưng xuống trên đất để đào thêm độ sâu... Càng sâu càng tốt. Tỷ lệ được sống sót là độ sâu của lớp đất đá vô tri này. Đất được đổ lên mái. Con người chui lọt vào giữa đất đá, tội nghiệp và thụ động như con sâu ẩn mình trong tổ. Pháo sẽ đến lúc nào? Nổ ở đâu? Câu hỏi âm thầm vang vang trong đầu hàng trăm con người. Trên ba cứ điểm im lặng chỉ loáng thoáng bay những sợi khói mỏng manh. Khói của cơn pháo cuối cùng chưa dứt độ nóng trong đất. Chỉ tiếng cuộc đục đều đều vào đất đá như hơi thở bị ngắt quãng.

Trong hầm chỉ huy, anh Năm chỉ những điểm ước tính Bắc quân đặt súng,

- Chắc chắn chúng chôn súng ở đây... Anh chỉ ngón tay trên các đỉnh Kngok Toim, Kngok Im Derong. Toàn là cao độ trên 1500 thước, ở đây, tụi nó thấy mình rõ như ở đây mình thấy thằng 1 dưới Charlie. Ngày hôm qua nó bắn mình không trật một phát ra ngoài. Mày xin mấy phi tuần để sẵn, có gì mình dội xuống liền. Dội ngay trên tuyến mình cũng được. Xong, ông Mễ và Bác sĩ Liệu về hầm đi, đừng tụ vào một chỗ.

Mễ và Liệu đứng dậy,

- Chào trung tá. Anh Năm gật đầu. Hình như anh gượng cười. Có điều gì khó khăn sắp xảy ra? Không ai biết, nhưng âm tiếng mọi người có điều gì khang khác, buồn buồn... Tai ương nguy biến chực sẵn đâu đây đã làm người hoá nên tê liệt, rã rời. Cũng thật do chờ đợi quá căng thẳng giữa vũng tối, dây bóng đêm.

- Thôi, tôi về, có gì tôi chạy qua với anh. Hải không để ý tiếng “anh” bất bình thường nói trong hơi thở hụt. Người chỉ huy đứng dậy, Hải tiễn anh ra cửa hầm. Anh bước lên nặng nề, chậm chậm, lưng cong xuống. Anh đi trên đất đá đào xới với dấp dấp của con hổ bị thương khi trở lại, rừng xưa nay đã hoang tàn.

11 giờ 5 phút, pháo lại bắt đầu... C2 bị nặng hơn C và C1. Theo thói quen, Hải nhắm tính tính từng chục trái một; hẳn hét lớn báo cáo với lữ đoàn,

- Tôi và hai đứa con cũng bị một lượt, toạ độ đặt súng ở yếu tố cũ... Không ước lượng được, hai trăm trái rồi... tụi nó đang tấn công C!!

Bắc quân từ Tây và Tây-Nam đồng nhào lên C, những người ở C2 nhìn xuống sườn đồi lúc nhúc những bóng áo vàng đục di chuyển chậm chạp, lui tới...

-Nó đánh giặc gì kỳ vậy? Người hạ sĩ quan hành quân hỏi Hải.

-Tụi nó ”điên”, chẳng phải “điện biên” mẹ gì cả,đéo thấy ai ngu bằng tụi nó,

Lính đại đội Thịnh nhóm dậy khỏi giao thông hào, súng bắn không cần nhắm, lựu đạn ném không cần lấy đà. Ta và địch cách nhau không đầy một tầm lựu đạn. C2 vẫn im lìm dưới trận mưa đạn và lửa... Tám trăm trái rồi... Chưa đầy một tiếng, nó đã nổ hơn tám bốp!! Hải ngồi bẹp trên đất, nón sắc chụp xuống, lẩm bẩm những câu vô nghĩa với chính mình. Qua máy truyền tin nội bộ (giữa các đại đội và ban hành quân tiêu đoàn), tiếng chuyển lệnh của Thịnh

nghe chững chạc, tự tin, ”... đọi tụi nó đến gần rồi hấn bắn, nó chỉ là lính con nít, bây là nhảy dù mà để thua là yếu lắm đó...”. Hải cố mỉm cười nhưng nụ cười không thành dạng. Pháo vẫn nổ như con địa chấn như xoay chiếc hàm nghiêng ngã... Tụi nó đòi dứt đứa con của mình... Ờ mà sao chẳng nghe anh Năm gọi qua gì hết... Có chuyện gì không nhỉ. Trí não Hải đã cứng tro. Hấn không nghĩ được điều gì hơn.

Mẽ không buồn nghĩ đến số vũ khí của hai đại đội 1 và 3 tịch thu được. Anh Năm chết, là tiểu đoàn phó, Mẽ tự động lên thay thế. Trách nhiệm quá nặng với tình thế kẹt cứng. Và anh Năm, người đàn anh thân mến từ bao nhiêu năm, gian nguy, khổ nhọc bao ngày dài cùng chia sót. Vĩnh biệt anh, hàm bị ba trái cực mạnh, chịu làm sao thấu... Sao cuộc đời chỉ dành cho anh toàn hoạn nạn. Hoạn nạn của ba mươi năm ở đời chưa đủ sao?

Mẽ, Hải, Liệu nhìn nhau... Trời chiều cao nguyên sẫm bóng nắng. Đêm sắp đến. Đêm với chiếc bầy sập xuống từ từ, lũ người tuyệt vọng nhìn thấy những tia gân máu đỏ đục loáng ánh sáng phần nộ hấp hối trong mắt nhau.

Liệu cho lệnh những người lính y tá đào đất lên, mang anh ra ánh sáng. ngoài vết thương ở tim, người anh tím bầm từng chỗ, chiếc kính vỡ, mắt nhắm, miệng hơi mở để lộ ra những răng cửa. Hải ngồi xuống, rờ vào xác anh còn ấm, đập mấy cái lên áo. Lốp bụi mờ đục bay bay...

- Để tôi rửa cho ông ấy,

Liệu ngồi xuống với bông và cùn. Thi thể anh trầm trầm dưới nắng Tây Nguyên đậm màu vàng rực. Hết. Mười hai năm chiến trận chấm dứt phút này đây trên cao độ 1020. Trông về bốn hướng chập chùng đồi cao tiếp núi thẳm.

Trường Sơn ác độc nhận thêm một hình hài.

1 Phá lớn giữa hai tỉnh Quảng Trị-Thừa Thiên, do ba sông Thạch Hãn, sông Bồ và Sông Hương đổ vào.

2 1945; 1968.

3 Đạn đầu nổ chậm, dùng xuyên phá công sự.

II

Đốt Charlie,

Bây giờ là buổi chiều. Buổi chiều với nắng vàng và gió lộng. Không còn tiếng nổ trong không gian, ba mồm núi bốc những sợi khói nhỏ, mờ mờ hơi nóng. Nóng không phải hơi nắng mặt trời nhưng do âm ỉ của thuốc súng chưa kịp tan, còn lẫn khuất nơi cây cỏ, đất cát.

- Thiếu tá... Hải gọi nhỏ Mễ. Lúc riêng rẽ, ít khi hai người gọi nhau bằng cấp bậc, nhưng bây giờ, tình hình đã khác, trách nhiệm và bồn phận quá đỗi nặng nề, thêm xúc động trong lòng qua cái chết của người chỉ huy. Hải nhắc nhỏ Mễ,

Thiếu tá, tổng kết là mình chết 20, 40 bị thương cần di tản,

Mễ gật đầu, đưa mắt nhìn hỏi Liệu...

- Đúng vậy! Liệu đáp nhỏ. Anh toubib hết đồ nghề, nhìn xuống xác anh Năm, như một cách lẫn tránh.

- Dạ, có ông Hùng muốn nói chuyện với thiếu tá. người lính truyền tin đưa ông liên hợp cho Mễ.

Tiếng Hùng ở C1, vọng trong máy: Trình Mê Linh (danh hiệu truyền tin của Mễ), ở tôi thì không có gì, nhưng từ sáng tới giờ sao chẳng nghe 008 (Tiểu đoàn trưởng) nói gì với tôi hết... Giọng Hùng mang vẻ trách móc xa vắng, ắt hẳn hẳn đã linh cảm được tai nạn xảy ra. Mễ nhìn xuống xác anh Năm, đôi mắt đỏ mệt mỏi chớp chớp, hình như có giọt nước mắt lưng tròng,

- 008 đã bắt tay với ông Phan (Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 1 Dù, đã tử trận Hạ Lào, 1971), biết thế thôi, đừng nói cho ai hay...

- Dạ, tôi nghe rõ Mê Linh. Hùng không còn hơi sức để hỏi gì thêm.

Súng lại nổ dưới Charlie. “Cát” anh Năm lại, đừng cho lính biết. Tất cả ra giao thông hào. Mễ ra lệnh ngắn. Lời nói đanh cứng, dứt khoát. Trong ráng chiều, những người lính ở C1 và C 2 chăm chú theo dõi trận đánh nơi cao độ C.

Bắt đầu, cối và sơn pháo từ những cao độ phía Tây bắn từng nhíp bốn trái một vào căn cứ, xong bộ binh sư đoàn Điện Biên từ hai hướng Tây, Tây-Nam xếp hàng xếp hàng như đi diễn hành tiến vào...

- Đúng là tụi nó điên rồi, không điều động, ả núp gì cả... điện biên cái con c...!! Lính ở C1 và C2 đồng đứng dậy khỏi giao thông hào chơi trò chơi mới,

- Mày bắn vào cái hố có bốn thằng núp dưới kia, nếu trật thì để tao. Hai người lính đại đội 112 thách nhau dùng súng phóng lựu M 79 và hoả tiễn cầm tay M72 từ đồi cao bắn xuống. Trái đạn bay đi khoảng ngắn, đất bụi bay lên... Bốn thân xác phơi trần trụi, vật vã, lẫn lóc. Người lính nhỏ Miền Bắc đi giải phóng ai đây; trong phút chốc họ đã trở nên thành những bia thịt sống thậm vô ích và chết với giá qua rẻ.

Cuộc tấn công vào cứ điểm C kéo dài năm đợt. Lính Thịnh đánh tinh táo, chắc chắn. Nhưng bỗng nhiên, Mễ có quyết định: Rút nó về, nhờ tối nay, nó hết đạn thì sao...

Hải gọi liền máy, bảo Thịnh,

- 401 (Thịnh) đây 06 (Hải), anh xếp va-ly lại, nhớ mang theo máy thăng rách áo, về ở với bố mẹ...

- Vâng, vâng, tôi nghe rõ, tôi cũng có ý định đó vì kẹo gần hết, nhưng sợ 008

và 007 (Tiểu đoàn trưởng và phó) hiểu lắm. Tôi nghiệp chưa, đến giờ này, Thịnh vẫn không biết người anh cả của tiểu đoàn đã đi khuất. Trong âm nói của Thịnh vang động mỗi hân hoan vui sướng” về với bố mẹ”. Thịnh đâu tiên đoán được đến lượt mình ở ngày mai?!

Đại đội 111 rút được về C2, năm giờ chiều, trời chỉ còn chút ráng đỏ, gió lạnh... Đỉnh Charlie trống trải cháy ngọn lửa điều tàn. Và trong hoang vu hấp hối của cỏ cây, hằng trăm người lính Bắc Việt, “những chiến sĩ Điện Biên của sư đoàn Thép, đơn vị vang danh bốn chiều lục địa, những người lính Quân đội Nhân Dân của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà”, tất cả đồng nhào lên Charlie một lượt... Những “bàn chân gang thép mang linh hồn vũ bảo vào Nam giải phóng, đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược” đồng chạy mau hơn, nhanh hơn... Để cùng lăn lộn, giành giật trên vùng đất vỡ nát, lầy lụa xác người và hơi thuốc đạn. Như một cơn đồng nhập quân trí, tất cả đồng vật bỏ vũ khí, dùng tay trần cào, xới, bới, móc... Đám lính đói sudaon Thép kiếm thức ăn. Họ tìm gạo sảy, thịt hộp và C Ration. Cuối đường giải phóng, những “chiến sĩ Điện Biên anh hùng” tìm ra “vinh quang đích thực” nơi những hộp thức ăn chế tạo tại Mỹ, giữa đám xác người Miền Nam họ vừa tàn sát.

... Bom!! Bom!! Đốt cháy tụi nó hết!! Mẽ nói như thét,

- Có ngay! Hải “khều” ngay ba phi tuần Napalm; toán lính Bắc định tháo chạy, nhưng không kịp nữa. Theo một hướng Tây-Đông chính xác, ba chiếc Skyraider cùng chúi xuống một lúc... Lửa lòng lộng, lửa vàng đỏ trộn khói đen cuộn lên lớp lớp... Trong cỏ cây cháy khét có mùi thịt. Thịt của người và thịt của thức ăn. Lính cộng sản sudaon Điện Biên Phủ vinh quang chết trên mục tiêu vừa chiếm lĩnh - Những hộp thịt thức ăn chế tạo tại Mỹ.

Ngày 13 tháng Tư, Mẽ cho đại đội 112 xuống chiếm lại C. Lính của Hùng “móm” vừa từ trên “hột lạc” đổ xuống bị bật lại ngay bởi một hàng rào của cối 60, 82 và sơn pháo 75 ly bắn thẳng từ ngọn đồi phía Tây. Bộ chỉ huy tiểu đoàn không một chút do dự: Cho thăng 2 về, tụi nó hận mình về vụ hôm qua. Lên phía Bắc không được, Mẽ thử bung quân ra hướng Đông để tìm bãi đáp. Phải có một bãi đáp bất cứ gia nào, thương binh, người chết, xác anh Năm...Tất cả cần phải di tản. Sự hiện diện của những đau đớn này làm lòng nặng xuống, cũng có thể gây nên tâm lý phục hận phần nộ, nhưng cũng là lần suy sụp lo sợ. Phải di tản gấp số thương binh. Mẽ nói với Thịnh:

- Ông gắng ra chỗ này, (một trảng trống cách C2 khoảng ba trăm thước về hướng Đông), kiếm được LZ(bãi đáp trực thăng), di tản hết thương binh và người chết, tụi còn lại mới yên lòng được. Đừng để cho lính có cảm giác bị bỏ rơi, tinh thần họ giản dị, dễ xúc động. Hơn nữa, mình hết đạn và nước uống. Nhé, ông gắng ra cho được.

- Dạ, thiếu tá để tôi.

Thịnh can trường như Triệu Tử Long, dẫn đại đội chỉ trên khoảng bốn mươi người rời căn cứ. Cái trảng trống kia rồi, 50, 40, 30...Gắng chút nữa, mình có nước uống!! Thịnh thúc dục người lính. Nhưng không thể được. Bắc quân bắt đầu khai hỏa, bốn phía cùng nổ từ các cao điểm chung quanh. Nguy hiểm hơn, địch cắt đứt đường về, quân ở C2 cố ra đón bị chặn lại,

không thể dùng một thứ vũ khí nào khác ngoài lựu đạn. tiền không được, thối lui không xong, trên đầu bị vây chụm bởi đạn sơn pháo từ dãy cao điểm phía Nam dội xuống. Thịnh ngã chết. Chỉ còn con đùng này cho người lính trẻ. Thịnh chết giữa trời, trên đồi cháy. Viên đạn cuối cùng vừa bắn ra. Bóng Bắc quân vây kín. Trái lựu đạn còn lại cũng vừa ném... Người sĩ quan tuổi quá hai mươi ngã xuống bởi chục nòng súng xả đạn vào. Chuẩn úy Ba nhào đến ôm xác Thịnh, hứng nốt những viên đạn còn lại.

Mề nổi điên trong giao thông hào, gọi máy liên lạc với đại đội 111.

- Ở đây còn có ai?

- Có tôi. Khánh, sĩ quan liên lạc tiền sát pháo binh đáp mau.

- Anh coi đại đội, cô dẫn về lại tôi, có thằng 4 ra đón.

- Tôi nghe đích thân rõ. Người sĩ quan pháo binh gom quân làm một mũi dài. ...Đánh!! Để tao đi đầu, lựu đạn mở hết kíp ra. Trung sĩ Lung, người hạ sĩ quan thâm niên nhất dẫn đầu toán quân, xung trận như mũi tên lửa. Đường về có được rồi, bắn bắn che nhau, Lung về chót... Nhưng còn hai ông thầy!! Lung cố chạy ngược trở lại nơi xác của Thịnh và Ba. Một loạt đạn vô tình nào đó... Chậm chậm Lung ngã xuống. Ba xác chết chồng lên nhau bất động.

Hai giờ chiều, Bắc quân mở cuộc tấn công mới, cuộc tấn công công khai, nhắm thẳng vào C2, căn cứ chính.

- Tụi nó dứt mình. Được, mầy “điện biên” tao “nhảy dù”, xem ai hơn ai... Tất cả ai ngồi được, kẻ cả bị thương, ra hết giao thông hào, thằng nào kêu la khóc lóc, tao bắn chết. Chính tao bắn... tụi mầy đề thua, tao bombing vào đây. Chết, chết tất cả!! Mề gào lên, xong ngất xỉu.

Liệu nói nhỏ, thì thâm sát tai Mề: Tim ông nó mệt rồi, đừng “gonfler” quá, ông chết luôn, hết người chỉ huy.

Lính sư đoàn Điện Biên thổi kèn xung phong dưới yểm trợ của cối và sơn pháo. Quân ta sau mỗi đợt pháo, đứng khỏi giao thông hào... Vào nữa...vào nữa đi con...Có đứa nào già không mầy? Tao chỉ thấy toàn con nít, đánh tay không tao cũng có thể bóp cổ tụi nó được!! Trước mắt lính nhảy dù, một lớp, hai lớp, những “đứa trẻ” cứ tuần tự đi tới... Những lớp trẻ con chơi trò đánh nhau. Chơi trò chơi ác độc do ép buộc, tuyệt vọng và vô nghĩa lý

... Không nương tay với nó... Napalm Hải!!

- Có ngay!!

Hai chiếc skyraider xuống thấp như chưa bao giờ thấp hơn, dưới đất thấy được chiếc mũ trắng của anh pilot; hình như anh muốn nhìn quân bạn, anh muốn chào thăm hỏi như sau mỗi lần thả “líp” dù chót, phi cơ thường hạ thấp cách mặt đất khoảng vài mươi thước để “chào bãi”. Ở đây cũng thế, hai chiếc máy bay rà sát xuống coi như gần đụng ngọn cây. Thả bom với cao độ như thế này chắc chắn không chệch một thước, bom nổ cháy xém đến tuyến phòng thủ của quân bạn, đám lính Bắc lẫn lộn trong bãi lửa, chạy dạt ra xa... Nhưng ô kia, hai chiếc skyraider không lên được nữa... Lòng can đảm và tình đồng đội đã giết các anh. Các anh đã xuống quá thấp để ném bom thật chính xác, để bung địch ra cho bạn. Các anh đã quên thân mình... Hai cánh đại bàng chúi xuống. Chúi xuống nữa và bốc cháy... Vĩnh biệt các anh! Đám cháy kết thúc trận đánh. thân người cháy đen nằm chật sườn đồi

...chúng nó đánh, chết như thế để làm gì nhỉ!? Một ngày của hai mươi bốn giờ trên thép đỏ và máu nóng đi qua. Trời tối dần. Đêm xuống... Người lính dựa lưng vào giao thông hào liêm môi. Môi anh nóng như miếng vỏ cây bị nung khô... từ sáng đến giờ chưa được uống nước. Anh không còn sức để nghĩ thêm sau chữ “nước

Ngày 14 tháng Tư tiếp theo. Tính đến hai giờ chiều, C2 nhận hơn 2000 đạn “delay” và nổ chụp. toàn bộ tiểu đoàn 11 co mình trong giao thông hào dưới cơn mưa pháo không dứt đoạn

... Nó nổ xa mình. Hải thều thào

- Ở phía Tây, ngoài tuyến mình. Liệu tiếp lời, gật đầu đồng ý với Hải. Nhưng thật ra cả hai đều tự dối, pháo không rơi một điểm, một tuyến, pháo chụp toàn thể C2. Pháo tan nát. Pháo mênh mông. Tất cả những lời nói chỉ là cách tự đánh lừa, trấn tĩnh đồng đội và cũng chính mình

- Hôm nay 14? Liệu hỏi bằng quơ, gọi chuyện trong tiếng nổ âm ỉ sắc buốt. Mẹ Hải không trả lời, đưa mắt dò hỏi. Còn lời nào trong cơn mưa lũ của sắt thép vang động này

- Hôm nay mười bốn, mai mười lăm, ngày đầy tháng con tôi

Bốn con mắt lại mở ra. Mẹ và Hải không hiểu ý Liệu. Không hề hiểu nổi... Vì Liệu đang nghĩ: Không lẽ ngày đầy tháng con bỏ lại chết?! “Chết”, chữ nhỏ ngắn này làm tê liệt hết phản ứng. Chết đến từ tiếng “bục” âm âm nơi xa, sâu trong rặng Big Mama... xong nổ “oành” đâu đây... Hình như ngay trên đỉnh đầu, trong lòng nón sắc đang vang động u u. Giữa khoảng cách kinh khiếp này chữ “chết” hiện ra sáng rực như một giải quang báo, tiếp nổ bùng với toàn hệ sức công phá. Tiếp tục... tiếp tục... Bốn cây 130 ly nơi xa nã đạn xuống Charlie nhíp nhàng từng ngắt khoảng ngắn

Năm giờ chiều, trận mưa đại pháo chấm dứt để cối và sơn pháo 75 ly điểm giọt, bắn thẳng vào căn cứ

- Xong rồi, tụi nó “chơi” mình lại. Mẹ đứng khỏi giao thông hào. Đêm nay là quyết định, mình và nó last fighting... Mẹ báo cáo với bộ chỉ huy lữ đoàn

- Bây giờ tụi nó hết “in coming (pháo kích)”, và bắt đầu “ground attack”. Không phải Mẹ sinh dùng tiếng Mỹ, bởi thông thường, những danh từ kia phải được nguy hoá, nhưng bây giờ tìm đâu ra thì giờ để dò tìm từng từ trong bảng “Ám danh đàm thoại

- Nó đánh anh chưa? Viên lữ đoàn trưởng ở căn cứ Võ Định vào máy liên lạc trực tiếp với Mẹ

- Bắc đầu ở hướng cũ, tây và tây-nam, heavy attack

Tất cả đứng khỏi hầm, đạn súng colt lên nòng, bác sĩ Liệu lúi húi tìm mấy trái lựu đạn... Tòì hết đồ nghề bác sĩ rồi, chơi “đồ chơi” mới vậy, lần sau đi hành quân, tôi mang một khẩu đại liên 60!! Không ai còn sức hưởng ứng câu đùa của Liệu. Mẹ nhăn mặt đau đớn, ngày hôm qua bị một quả pétard (thủ pháo, một loại lựu đạn biến chế) nổ quá gần, sức nổ ép cứng xương sườn vào vách hầm, để lại những vết máu bầm lấm chấm...

Trời tối dần, hơi núi đùn lên cao, đậm đặc thêm vì khói súng. Bắc quân đã chiếm được một phần giao thông hào, tuyến phòng thủ của đại đội 114...Trình Mê Linh, nó lấy của của tôi một “khúc ruột”. Cho, đại đội trưởng 114 báo cáo với Mẹ

- Hải, nói với lũ đoàn nó vào tuyến mình rồi

- Tao...tao mệt... nói không nổi, Liệu giúp hộ...

Bác sĩ Liệu, to người, béo mập, đang khom lưng lấy súng colt lạch cạch như trong phim cao-bồi, chớp ống liên hợp máy truyền tin,

... Dễ thôi, dễ thôi... Tụi nó cầm được một phần vỏ bọc của tôi... Liệu ề à với giọng tỉnh táo đùa cợt

- Ông phải la lên mới được, đùa thế, ngoài ấy tưởng mình giỡn

- Giỡn làm sao, không đùa như thế, chẳng nhẽ lại khóc lóc mếu máo sao... Ê... chạy đi đâu!! Liệu quay nòng súng colt về phía một anh lính đang nháo nhát chạy vào khu giao thông hào trung tâm

- Đi ra, ông bác sĩ không bắn mày thì tao bắn cho mày biết chết như thế nào? Mẽ hét lớn với người lính... “biết chết như thế nào?!” Mẽ cũng buồn cười vì lời nói của mình... Chết rồi, thì biết chó thế nào nữa?! Àm! Một trái bịch-pha nổ thật gần, bắn Mẽ ngã giữa người xuống. Mẽ lồm cồm bò dậy, sờ lưng

...bác sĩ, chắc tao bị thương nặng!! Mẽ thều thào

Liệu xoa tay lên lưng Mẽ, thân áo rách lỗ chỗ...Đếch có gì cả, mảnh nhỏ như bụi, vì ông yếu sức nên ngất thế thôi, đây là hậu quả những cú đâm của thằng Hennessy, Couvoisier trước kia

...C... giờ này mà mày còn trêu được- Stupid! Why you fire forty-five? Anh vô vắn trường, thiếu tá Duffy hét vào tai Liệu

- I have only this... Mẹ mày, giờ này còn why với what....What cái cần câu ông ấy

Một đợt, hai đợt... năm đợt, Bắc quân tràn vào, bị đẩy ra, lại tiếp tục tràn vào, chiếm được một đoạn giao thông hào, xong lần dần từng đoạn

- Không xong rồi, nó nhiều “tiền” quá! Hải lảm bảm

Mẽ nhìn Liệu, Hải, cố vắn trường Duffy. Tôi muốn ở lại! Mẽ chắc giọng

-Nó vào chỗ thằng 4 (đại đội 4), đang qua chỗ thằng 2, mình hết đạn... Đợt, tôi đề nghị. Hải khôn ngoan, dứt khoát

- Phải, mình “ra” đi, ở đây chịu không nổi, tụi nó đông gấp mấy mình. Liệu tiếp theo. Chữ “ra” ráo hoảnh trống không

Mẽ im lặng, gỡ nón sắc ra khỏi đầu

...No hesitation, the best way... Sir? Duffy, Thiếu Tá Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ, người quân băng loang lỗ máu khô, anh đã bị thương ba nơi trên thân, nhưng quyết ở lại với tiểu đoàn. Viên cố vắn, hiểu được phút giây nghiêm trọng đối với Mẽ; lần đầu tiên anh gọi người cùng cấp bậc, một thiếu tá người Việt với danh xưng kính trọng, “sir

- Đồng ý, cho thằng 2 dẫn đầu, xong đến đại đội chỉ huy và thằng 4 bao chốt. Hải, gọi máy qua thằng 3, bảo nó “nhỏ neo” ra điem hẹn này. Mễ chỉ một vùng tập trung ở hướng đông-bắc trên bản đồ. Bảo nó đi ngay, mang theo thương binh

Lần đầu tiên trong đời tác chiến Mễ phải “chạy”, Mậu Thân, 1968, ở Huế, với đại đội chỉ còn ba mươi người, dấu trùng trùng nguy khốn, Mễ vẫn điều quân phản công chiếm lại công thành Thượng Tứ. Nhưng, lần này, viễn ảnh toàn bộ tiểu đoàn bị tràn ngập, Mễ không còn cách nào khác hơn

- Hướng đông-bắc, 800 ly giác, thằng 3 sẽ ra đó với mình. Hải chuyển lệnh cho Hùng “móm”, thành phần xung kích còn lại cuối cùng của đơn vị

...OK, em nghe, em làm được cái một. Hùng “móm” vẫn ranh mãnh như không có chuyện quan trọng đang xảy ra.

Đi xuống hoài, vực sâu hun hút, trời tối thẫm và cây rừng đan lưới. Chỉ tiếng lá khê động dưới bước chân cùng những thanh âm rên rĩ găm ghim trong cổ họng. Đoàn quân lặn vào bóng đêm như muốn tan thành vật vô hình. Sau lưng họ trên đồi cao, C2 bốc lửa ngọn. Bom đã thả xuống khi người lính cuối cùng đại đội 1 ra khỏi vòng vây. Thương binh nặng và xác “anh Năm”, chuỗi cảnh tượng chập chờn chồng lên trí óc Mễ. Mệt, cảm giác rõ rệt nhất, ba ngày và đêm không ăn, ngủ, chỉ nhấp chút nước lã cảm hơi và cuối cùng, cuộc rút quân trong đêm... Đi nữa đi Hùng, đúng hướng rồi, cứ tiếp tục, phía mặt trời đó, bao giờ đến chỗ trống thì báo tôi. Nhớ liên lạc với thằng 3 ở phía trái, thấy mặt trời thì báo. Mễ thì thảo chuyển lệnh cho Hùng, đại đội trưởng đại đội 1

Mặt trời chưa thấy, đêm còn dày. Dày từng khối lớn mông mênh và đặc cứng. Hình như đã đến đáy một “tan-véc”(khe nhỏ chạy giữa hai chân núi), chân bước lên lớp đất ẩm. Nước! Người lính đặt tay xuống “mặt nước”. Không có, chỉ một lớp lá ẩm mục và đất bùn, khe suối mùa, chưa có nước. Nhưng bàn tay có chút ẩm, người lính lè lưỡi liếm miếng nước vô hình đó

Qua khỏi “tan-véc”, lên đỉnh đồi, thấy lại sau lưng ngọn lửa ở C2 bập bùng. Bọn bè ta còn đó, sống làm sao được hở trời? Mễ kiệt lực hỏi,

- Hải, khi chốt mình để “anh Năm” ở đâu

- Ở giao thông hào, nơi hầm đại liên. Mễ và Hải chỉ nói với nhau được câu ngắn trong đêm. Nguy biến và rình rập vẫn còn rất nhiều. Sao trời chưa sáng nhỉ? Hùng, gắng đi mau hơn nữa, càng xa tụi nó càng tốt, giữ được súng và thương binh nhẹ như thế này cũng tạm coi như là “đẹp”. Đẹp, hình như Mễ cười chế riễu mình trong bóng tối. Thôi, đừng nghĩ gì nữa, cởi nón sắt cầm tay, bốn ngày đội hoài khối sắt trên đầu, khi cởi ra còn nguyên ảo giác của âm vang tiếng nổ lộng trong lòng chiếc nón kim khí. Mệt quá! Sống rồi! Hùng “móm” kêu một tiếng sáng khoái, bốc máy báo cáo cho Mễ, nhanh như chớp

- Tôi thấy “nó” rồi phía tay trái tôi.

Mễ nhìn lên tàng cây, trời tím nhạt chưa có ráng nắng, nhưng ngày đã bắt đầu, trăng trông vùng tập trung đã gần đến. Thoát rồi chẳng? Mễ tự tin nhưng cũng rất đầy kinh nghiệm: Nó phục mình ở đây nữa thì tan hàng!! Ý nghĩ kinh khiếp như một mũi dao cực bén cắm ngay đỉnh đầu. Mễ không dám nghĩ tiếp

- Kêu thẳng “Đỗ Phủ” đến tao Hải

- Duffy come here... Viên thiếu tá cố vấn đang đi sau Hải và Liệu nghe kêu, mỉm cười bước lại. Ba lần bị thương, bốn ngày chiến đấu không ăn, ngủ, Duffy vẫn “cứng” như một khối thép, đầu đội mũ đi rừng, khẩu M18 đặt ngang hông, tự tin và bình thản như một ý chí không lay chuyển. Tiên sư thằng cha này “dur” cả hồn lẫn xác, number one! Liệu nói với Hải khi Duffy qua mặt để lên gặp Mễ. Anh chàng hiểu ý, mỉm cười: Hello Doc!! Trong phút chốc sự việc khủng khiếp của bốn ngày căng cứng như vụn tan đi. Nắng cũng vừa đến, nắng đầu tiên của ngày, lòng người lính đuổi ra theo độ ẩm của vệt ánh sáng. Sống được rồi mừng biết bao nhiêu!

- Đây nhé Duffy, vùng tập trung của mình, 113 bên trái, phe ta bên phải cùng “move” lên. Mình làm một cái LZ (bãi đáp), xong “mày” gọi “Tây” đem máy bay tới móc mình ra, OK?

- OK Do !! “Đỗ Phủ” gật đầu lia lịa... Good...very good, you’re the best commander! “Đỗ Phủ” đưa ngón cái lên ca tụng Mễ.

- Tao hay hơn nhiều, cú này bị “kẹt”, mày khen làm tao ngượng. Duffy không biết Mễ nói gì, cười rộng mồm, Mễ cười theo.

Rất cẩn thận, Mễ cho Hùng “móm” và Hùng “mập” cùng lên trăng trước. Hai cậu Hùng “bắt tay” nhau, làm thành vòng phòng thủ, phần còn lại của tiểu đoàn với đám thương binh “bò” lên tiếp... Xong rồi, khá an toàn, giữ được cái trăng là tốt, có đường thoát rồi. Duffy, có tàu bay chưa ?

- OK! Ten minutes, sir!

Nhưng không còn “ten minutes” nào cho Tiểu Đoàn 11 nữa! Một trận mưa rào, mưa đầu mùa... Mưa bởi một rừng cối và sơn pháo từ những cao độ phía đông “tuổi” xuống. Bắc quân tấn công bộ từ đông-nam lên. Không hầm hố, không đạn, mệt mỏi, đói khát của bốn ngày đã đến đỉnh cao nhất chịu đựng. Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù lảo nhảo, cựa quậy hấp hối trên trăng cỏ tranh tro bụi dưới lưới chụp đạn dày bởi lửa, khói và mảnh đạn thép... Hàng sống, chống chết! Hàng sống, chống chết! Bắc quân ào ào như nước lũ tràn đi qua con đê bị vỡ. Tiểu đoàn 11 tựa tình cảnh con báo kiệt lực bị vây khốn bởi một rừng ong cực độc! Bây giờ là 8 giờ sáng của ngày 15-4-1972, Tiểu Đoàn Nhảy Dù mới tinh của Anh Năm, tiểu đoàn đã khoan thùng bức tường thép của cộng quân ở Dambar; tiểu đoàn “nướng sống” hai tiểu đoàn của sư đoàn Điện Biên trên cứ điểm C- Thua. Thua đau đớn và thua vô lý!! Đâu còn có thể để dựa vào. Đâu còn lực để đương cự ?!

Muốn đánh nhau phải có “thế” và “lực”. Thế đã mất ngay từ ngày đầu tiên khi bước xuống cao điểm với một nhiệm vụ “phòng thủ” quá mỏng manh thụ động, và lực nào còn nổi sau bốn ngày hay 156 giờ tác chiến căng thẳng trên các cao điểm nguy hiểm và thiếu thốn toàn diện. Hình như mọi người đều không ăn, uống kể từ ngày 12. Uống, nếu có chỉ là chữ gọi động tác “nhúng” chiếc lưới vào nắp bi đông ẩm ướt. Tan hàng!! Những người sống sót còn lại tan biến vào rừng cỏ tranh.

Người ở lại với CHARLIE,

Charlie tan, trên đất đá điêu tàn chỉ còn vụn vãi khói xám và thân người. Trong đó có Anh- Người đàn anh kính mến đã cùng tôi chia xẻ quãng đời dài. Những dòng chữ viết để nhớ Anh - Nguyễn Đình Bảo.

Ngày 22 tháng 5, ông Nixon đi Nga, không ít thì nhiều chuyến đi ấy đã có tác dụng với cuộc đại tấn công của Bắc quân vào ba quân khu. Rất nhiều giả thuyết về cuộc kịch chiến này được đem bàn tán, nhưng tất cả đều đồng ý: Chuyến đi có ảnh hưởng đến trận đánh và đây cũng là trận cuối mùa, một mùa đại loạn đâm uớt máu đỏ chảy trên những thân thể gọi là “người Việt Nam”. Ngày 22 tháng 5 ông Nixon khởi đầu chuyến đi, ngày 12 tháng 4 anh chết. Sao anh không gắng sống? Anh chỉ cần gắng thêm một tháng rưỡi nữa, nếu chưa chấm dứt, chiến tranh có thể mang những hình thức khác, cuộc đại tấn công này sẽ được đình chỉ lại, hoặc chuyển qua vùng khác... Những vùng dễ đánh để anh có thể tung hoành như anh đã làm nhiều lần trong tháng năm chinh chiến dằng dặt. Và biết đâu chiến tranh sẽ biến thái lại nên thành chiến tranh du kích, anh là tiểu đoàn trưởng đơn vị Nhảy Dù, làm sao có thể chết được trong những “chiến tranh an toàn” như thế! Tại sao anh không gắng sống? Tại sao thế hờ trời?

Vẫn biết rằng đi chiến trận là mất mát. Không chết trước thì chết sau... Trước anh cả trăm ngàn người đã nằm xuống. Anh đã cùng tôi chứng kiến bao nhiêu lần “nghỉ phép” của ông Huệ, Thừa, Hồ... Anh gật gù, “Thôi tại số, mình gắng chịu vậy...”. Anh gắng chịu đã quen. Anh đã thoát nhiều lần. Từ trung đội trưởng tiểu đoàn 8, anh qua tiểu đoàn 3; làm đại đội trưởng tiểu đoàn 1 và tiếp theo tiểu đoàn 9. Anh đã dự bao nhiêu trận từ thuở ông Đống mới làm tiểu đoàn trưởng giờ này là Trung Tướng Tư Lệnh; anh đánh trận từ lúc chiến tranh còn như là trò chơi, ông Tư “Hòa Hảo” đi thuyền vào họp với Việt Cộng, đám giặc cõ chỉ vài cây súng ngựa trời hay 2 khẩu Mat 36 để thay đại liên. Từ những trận đánh nhỏ đó, anh được “trưởng thành trong khói lửa”, thành ngữ nói ra nghe có vẻ “cải lương” nhưng quả thật không còn chữ nghĩa nào để dùng chính xác hơn. Anh đánh trận Ấp Bắc, giải vây đồn Bồ Túc vào những năm 60, với những trận đánh mở đầu “chiến tranh giải phóng”. Chiến tranh lớn dần như một thứ quái thai được mùa, như té bào ung thư ngon trớn, chiến tranh lớn như sinh vật quái dị ở hành tinh khác đến đây nảy nở theo cùng chiều rộng của không gian. Khói lửa từ đây dậy lên như giông bão. Trong “môi trường” hào hùng độc địa này - Anh trưởng thành.

Anh già hơn không phải do số tuổi, nhưng chiến trận, hành quân như mỗi thời gian để nhắc nhở mỗi ngày, mỗi tháng, năm anh qua... Năm 1965 giải vây Đức Cơ, Pleiku; năm 1966 bị phục kích ở Cheo Reo, cũng năm này “giải phóng” Bồng Sơn, Tam Quan. 67 “lội” nát người suốt vùng Thừa Thiên, Quảng Trị, từ cái làng nhỏ ở bên kia sông Hương nhìn ra phá Tam Giang, đến cuộc tấn công vào khu phi quân sự đổ từ đèo Ba Giốc xuống. Hết 67 đến 68 anh đem quân về vùng đồng Ông Cộ, Hóc Môn, Bà Điểm; Việt cộng tấn công đợt Hai, tiểu đoàn 9 do anh làm “ông Phó” có cơ hội “rửa mặt” nhân vụ tịch thu cả hầm vũ khí chõ đầy một chiếc F.O.M. Chiến thuật thay đổi, từ ven đô anh di chuyển về Tây Ninh để “cày” từ Tổng Lộ Chân qua Katum, Trại Bí... Suốt một vùng biên giới dài theo con sông Vàm Cỏ anh đi như không mệt... Anh đi như định mệnh đôn mạt bắt anh dính liền vào mỗi thước đất phải bước qua.

Nhưng chưa bao giờ nghe anh than tiếng nhỏ. Sự chịu đựng và vẻ bình thản là tính chất căn bản của anh.

- Mày biết nhá, tao di cư vào, mỗi ngày phải đạp xe mờ người chạy từ trại định cư đến Phú Thọ để lấy khẩu phần bánh mì và năm đồng bạc. Mày biết, tao tập thể thao to chừng này, thằng Tây bán thịt gần trăm ký bị tao ném một cú đòn vai, nằm luôn.

Anh là con nhà võ, thất đại đen nhu đạo thời kỳ 56, 57, tính chất võ chân truyền này là nền tảng tinh thần của anh. Đó là một tinh thần rất thường ở bề mặt nhưng phần trong rất “sáng”; một thứ “sáng” mã thượng, độ lượng và chân thật - Chân thật và thẳng thắn tuyệt đối. Anh sống ở đời giản dị và thẳng thắn như kẻ có võ công thượng thừa lại thêm tâm tư nhân ái. Anh

không một lần than thở dù lúc làm “ông Phó” ở tiểu đoàn 9 anh bị “kẹt”. Anh bị nạn. Anh bị “ép”. Bị “nát như cái mèn”. Nhưng tất cả đã không là đáng kể... Hãy nghe anh nói:

- Mà ý thấy, tao là lính tác chiến, rồi cũng có ngày tao phải chỉ huy, nhờ bị kẹt là cái hạn của mình, sau đó mình “bốc”. Anh cong một bàn tay lên làm cú “bốc” kèm theo tiếng chửi thề “mẹ”. Sự bực dọc của anh chỉ được diễn tả chừng ấy. Không hận đời và tin ở mình. Trong đời sống bình thường, anh sống với thái độ khắc kỷ thật cao thượng.

Anh Năm kính yêu,

Anh chết ngày 12 tháng Tư, đến giờ này, sau ba ngày xác anh vẫn chưa móc ra được. Ngày 14 ông Bạch Long cho hai trực thăng và một Skyraider vào, cố làm một bãi đáp để đưa anh ra, cả ba chiếc đều bị “shutdown”. Người lính về nói với gia đình như thế, cháu Tường bảy tuổi đã lớn, nhưng cũng chưa hiểu nỗi phận bị thảm của lần mất bố, kể lại câu chuyện... Kể lại phút anh nằm xuống với lòng ngực bị vỡ. Không biết chi tiết đó có đúng thế không, nhưng cháu cứ lặp lại với mọi người xem như một nét “xuất sắc” của anh. Tội nghiệp cháu quá anh ơi, nó đang lún xuống trong một bất hạnh với quả tim hồng và nụ cười sáng, nó nắm tấm ảnh lúc anh còn ở trường, thắt đai đen bên cạnh ông Hiếu... “Bố cháu là những người “xuất sắc”! Ôi anh đã sống, chết bởi những hoàn cảnh cực độ. Những phiến não cùng cực và vinh quang bốc lửa. Anh di chuyển giữa những cực điểm với tâm tư bình yên, lặng lẽ, chiếc lưng gù xuống chịu đựng. Giờ này anh mới “thật sự nghỉ ngơi”, một cách nghỉ ngơi cay đắng và khắc nghiệt. Cuộc đời đã “ta-pi” anh trước khi anh kịp đứng lên rũ áo, thối tiền. Anh thua trong sáng suốt và nín lặng cũng như ván bài ở lãng ông Cẩn ngoài Huế trong tối mùa đông năm xưa... “Tao biết mày tháu, nhưng cũng cho mày ăn.” Anh úp bài cho tôi vô tiền. Anh Năm ơi, anh bị cuộc đời “tháu” cú này nữa. Cùu tháu độc địa và hết thuốc chữa.

Anh chết thật rồi!! Tin cuối cùng rõ ràng về anh do Hải “khều” nói lại không thể sai vào đâu nữa. Hầm anh hứng đúng ba trái hỏa tiễn, mảnh ghim vào tim và anh chết ngay phút đầu tiên, khi “tụi nó” bắt đầu đánh biển người vào Charlie. Hải “gói” anh vào ba lớp poncho, nhưng máy bay không xuống được, Mễ Linh lại bị thương. Chúng nó phải “rút lui chiến thuật” vì pháo và hỏa tiễn rơi đến cả ngàn trái vào căn cứ, đặc công cảm tử lại phá được hàng rào ngoài. Giữ thế nào được nữa, Mễ lần Hải đều bị thương, chúng có điều động phần sống sót còn lại để mở đường máu, bảo toàn đơn vị. Phải bỏ anh lại, chắc chắn Mễ đau đớn lắm, vì hắn và tôi đều nặng ân tình với anh biết mấy; từ thuở ở tiểu đoàn 9, anh “che” cho hắn bao nhiêu đòn; Mễ là đứa rất có tình, bỏ anh lại nơi chôn núi rừng, vùi dưới đồng đất cát và lửa đỏ chắc là vết thương dài đời không hết, tâm hồn khó được phần quên lãng người ngoài.

Mấy hôm nay tôi ngủ không được, mắt nhắm lại thấy cảnh anh đang chết, những giờ khắc cuối cùng, anh chống ngược mắt xuôi tay và đi khuất... Tưởng đến tiếng nói, nụ cười và toàn thể không khí của bữa cơm chót trong vườn Tao Đàn, đâu có ngờ đây là bữa cơm vĩnh biệt?! Chưa bao giờ anh vui vẻ và tự tin cho bằng thời gian đó: “Số tao hết cực rồi, hạn 33 tuổi đi qua... Tao làm lớn cho mày nhờ.” Tôi cũng nghĩ như thế, vì cái “võ nghiệp” cứ phú quý thụt lùi, thôi thì chỉ mong ngày anh “làm ông tướng!” Ngày đó sẽ không bao giờ có nữa, cũng không còn những ngày vui như buổi chiều cuối năm mờ hơi sương, anh và tôi đứng ở sườn đồi nhìn xuống sông Hương bốc khói lam, nòng hóp rượu “số Bảy” không đá, nghe từng âm ba rộn rã của men rượu tan trong máu và cất tiếng cười bất chợt... Tiếng cười hào sảng thống khoái vang động không khí u trầm bí ẩn chiều cuối năm đầy sương lạnh.

Tôi cũng tin vào số mạng, biết rằng anh có tướng lộ xi không được tốt, nhưng bù lại tai anh dày, có thù châu, bước đi vững chãi... Nên nghĩ rằng anh sẽ đi qua, anh sẽ vượt qua tất cả hoạn nạn, vì anh đã hoạn nạn dư thừa, hoạn nạn ngập mặt. Từ tuổi thiếu niên anh đã gian nan

phần đầu, phần đầu để thành người và dựng đời, anh đối chọi với khó khăn như con trâu miệt mài trên đồng ruộng. Năm nay anh 35 hay 36 tuổi, tôi không được rõ, nhưng hình như anh chưa có ngày nghỉ ngơi toàn nghĩa. Cuối đời, vừa le lói chút ánh sáng bình yên và hạnh phúc, anh hân hoan sửa soạn tương lại, rộn rã như cô dâu tốt số. Đời đã quật anh cú chót và anh đành thua. Bao nhiêu năm tranh sống để lúc chết quả tim đang hả miệng cười.

Tiểu đoàn rút khỏi Charlie và phi cơ oanh kích căn cứ. Ôi sao tàn khốc thế hờ trời?! Anh đã sống cay nghiệt sao cái chết lại quá bi thương. Ba lớp poncho gói thân anh làm sao che chở nổi hình hài vô tri dưới cơn mưa bom, bão thép. Phép màu nào giữ nổi xác thân anh? Vĩnh biệt, Anh Năm kính yêu...Nơi chôn huyệt không nào...Mong linh hồn anh được lần yên nghỉ.

Viết lại,

12, Tháng Tư, 1972 - 12 tháng Tư, 1998.

Lần “thật chết như luôn sống lại”,

Dù bao lâu,

Cách bao xa.

o o o

Tạm kết,

giữa Mùa Hè,

Charlie mất, Delta ở phía nam do tiểu đoàn 7 Dù phải rút đi vì không chịu nổi cuộc càn quét kéo dài qua ngày thứ tư; đại Nhảy Dù tan vỡ dần như chuỗi dây xích nút đầu bị phá. Chỉ còn lại hai cứ điểm chót là Bravo và Métro ở trái, phải Võ Định. Nhưng Võ Định không thể là một điểm chiến thuật vững chắc khi cạnh sườn đã bị nhổ. Ngày 24, tháng Tư, phi trường Phụng Hoàng (tây Tân Cảnh), Tân Cảnh và hai căn cứ Diên Bình, Zuzu ở phía nam lần lượt tan rã. Võ Định không còn là một cứ điểm có khả năng kháng cự và bộ chỉ huy lữ đoàn 2 đưa tiểu đoàn 7 dần dần mở đường xuôi nam hướng Kontum. Kontum dưới ảnh hưởng của việc mất Tân Cảnh biến thành cảnh địa ngục với những trận đánh sát nách thành phố, như ở Đại chủng viện, khu phi trường. Những đơn vị đặc công Bắc quân với ám hiệu riêng: Tay áo cuộn lên quá cùi chỏ, quần xắn quá đùi, mảnh vải trắng buộc quanh vai, đã đột nhập vào những nơi trọng yếu của thị xã. Công trường 2 cộng sản sau khi dưỡng quân, vượt sông Pô-kô đánh vào sườn của lữ đoàn 2 và các chiến đoàn Biệt Động Quân. Hết, lữ đoàn 2 Dù chỉ còn mỗi đường, các tiểu đoàn tự nương bảo vệ lẫn nhau rút về Pleiku. Lữ đoàn lại hết nhiệm vụ Vùng II để ra Vùng I. Đường về Pleiku phải qua đèo Chu Pao đỉnh núi 953 trông xuống sông Dak Yeul với những cao độ thẳng đứng. Chỉ còn mỗi đường này là sinh lộ, nhưng sinh lộ phải qua điểm chết: Đèo Chu Pao. Hai đại đội của tiểu đoàn 7 Dù do Nguyễn Lô (Tiểu đoàn phó) chỉ huy mở một đường đi qua điểm chết với chấp nhận tỷ lệ thiệt hại 50% quân số. Và cũng như bao lần của mười năm chiến trận, Lô mở được cửa ngõ về Pleiku, dân và quân theo đó rút đi. Rút đi khỏi địa ngục, vì Kontum không còn là thành phố sống, người dân thất thần dáo dác giành dạt nhau kiếm một chỗ trực thăng ở sân vận động... Giữa bụi mù và tiếng nổ đại pháo, cảnh người sống cuồng loạn đổ xô vào lòng trực thăng bất chấp tiếng súng thị oai của quân cảnh. Họ chen nhau như nước tràn qua đê vỡ để đến gần, đến gần hơn chút nữa ngưỡng cửa trực thăng, và lúc tay vừa chạm được khối sắt xám phủ bụi đỏ, chân cong lên sắp bước vào lòng của “hy vọng sự sống” thì một cơn sóng khác, đập họ ngã xuống, kéo họ hút ra xa...

Kontum cháy ngọn lửa hồng lên cao hắt khỏi rừng xanh. Chỉ còn mỗi hình ảnh bình yên nơi thành phố đang bùng lửa này là hàng phượng đỏ hoa gần cầu lạc bộ ngã càn xuống mặt nước sông Dakpla mờ sương khói. Nhưng phượng cũng có màu đỏ - Màu của máu.

III

AN LỘC,

Miền Đông không bình yên

Bỗng chốc thị trấn nhỏ về cực đông-nam phần cuối con đường 13 biến thành địa danh vang dội toàn thế giới... Guernica, Arden, Berlin của Thế Chiến lần Hai không còn ý nghĩa khi so với thị trấn bề dài 1800 thước và bề ngang từ cửa Phú Lỗ đến hàng rào phòng thủ tiểu khu đo đúng 1000 thước. Trên diện tích bé nhỏ này, lại nhỏ hơn nữa của những ngày “tử thủ”, khi thành phố “co” lại với khoảng 900 thước bề dài còn lại-Một ô vuông cây số hứng chịu gần 60 ngàn quả đạn, đạn đại bác bắn tập trung từ mười vị trí trở lên trong 100 ngày vây khốn. Thế nhưng, An Lộc đã chịu đựng được. Quân và Dân ở An Lộc đã chịu đựng được. Chịu đựng-Sức mạnh tự nhiên không bờ, không đáy- Với nó, trong đó, Người Việt ngụp lặn miệt mài để tồn tại.

Sống! Thượng Đế ban món quà hiếm hoi quý giá này cho dân tộc ta quá khó khăn, hẹp hòi. Chỉ được sống, đám dân và lính ở An Lộc đã phải căng mình hứng chịu dài con bão sấm sập tiếng nổ và mảnh thép, trong ba tháng. Họ lên đến những “đỉnh” đau đớn chóng mặt, như từ một độ cao hai trăm thước, người mẹ sây tay đánh rơi đứa con khi trực thăng chao mạnh. Cái chầm nhỏ bé tội nghiệp rơi dần dần vào một cõi xa xăm mất hút...Không nghe được tiếng động của thân thể trẻ thơ đập mạnh trên đất đá. Không có tiếng thét bi ai của người mẹ mất con... Chỉ âm động phần phật cánh quạt phi cơ và gió bạt trên không gian im lặng. Từ đỉnh cao hai trăm thước đến vực sâu hai thước giữa lòng đất đỏ lạnh tanh, người cha bình thản ngồi xếp ngay ngắn, thẳng hàng hình hài năm đứa con và người vợ, sau khi đã đặt tay chân đứng vào thân thể của mỗi đứa.

Nổi đau đớn dài như con đường 13 từ An Lộc về Chơn Thành. Lai Khê, Bình Dương, An Lộc, Lộc Ninh... Tên đặt ra nghe sao quá thâm, tội nghiệp, làm gì có “bình an” nơi miền Đông tàn khốc này... Tất cả chỉ là ước vọng. Nói thật hơn, chỉ là những hư vọng khó có lần hiện thực- Áo giáp mù mờ khi con người đã đến đáy khốn cùng. Chạm tay sự chết.

Trong qui ước truyền tin quân đội, chữ A được đánh vần là “Alpha” hay “Anh Dũng”. An Lộc cũng bắt đầu với chữ A, thế nên tôi gọi “An Lộc là Anh Dũng”; tỉnh từ này đã được dùng quá nhiều, đến độ nhàm chán, nhưng ngoài nó ra không còn một danh từ nào xác thực và đúng đắn hơn. Phải, An Lộc là Anh Dũng. Chiến đấu ở An Lộc- Sống ở An Lộc- Chết ở An Lộc - Tất cả đều trùng trùng tràn ngập, vây kín, kích động bởi tính chất anh hùng. Tôi không nói quá lời, với chân thật của người cầm bút và tấm lòng giản dị của người lính, xin xác nhận lại một điều: An Lộc - Anh Dũng. Yếu tính của thành phố, người và sự kiện nơi An Lộc là tính từ giản dị đầy đủ kia.

Mười năm kinh qua trận địa, bao nhiêu trang sách về binh sử đã được đọc, tất cả đều bị An Lộc vượt xa, vượt một tầm quá lớn mà không một trận chiến nào có thể bén gót được. Kiến thức quân sự, ý niệm chiến tranh, tất cả bị đổ nhào vô nghĩa, vô dụng với An Lộc. Chắc chắn như thế, nếu ai hằng đến sống, chết cùng với nơi chốn ấy một lần. Những “huyền thoại” về An Lộc đã được khai thác, nhưng không hết. Những người kiệt liệt của An Lộc đã được nhiều nhắc nhở nhưng chưa đủ. Tôi nối tiếp công việc này vì An Lộc không những chỉ có Tướng Hưng với các Trung Đoàn 8, 9, 48, 52 của Sư Đoàn 5 Bộ Binh; Đại Tá Huân với Liên Đoàn 81 Biệt Kích Dù; Liên Đoàn 3 BĐQ, và Đại Tá Nhật với thành phần cơ hữu Tiểu Khu Bình Long. Ngoài những lực lượng này, còn có Lữ Đoàn I Nhảy Dù, đơn vị tham chiến từ ngày 7-4, bắt tay An Lộc lần một vào ngày 16-4 và lần thứ hai sau trận đánh trên tất cả các trận đánh,

Tiểu Đoàn 6 Dù “clear” hai cây số còn lại vào đến Thanh Bình (hay đồn điền Xa Cam) trong “bốn mươi lăm phút chiến trận”. An Lộc được “bắt tay” lần thứ hai lúc 17g45 ngày 8 tháng 6 năm 1972.

Quê hương của loài nai,

Đường 13 chạy từ ngã ba Chơn Thành đến An Lộc đo được 30 cây số, tiếp tục về hướng Bắc thêm 18 cây số nữa là Lộc Ninh, bên kia biên giới là Snoul, qua Snoul con đường ngã theo hướng Tây-Bắc để tới Kratié, nằm cạnh bờ Cửu Long; nép bên bờ trái con sông, đường chạy tiếp về phía bắc để gặp StungsTeng, vị trí chiến thuật quan trọng của đường giầy ông Hồ từ Bắc vào. Đoạn này có thêm một tên khác, “đường Sihanouk” cho có vẻ đại đồng nhưng thật ra cũng chỉ là của anh Hồ cộng sản. Khởi đầu cuộc chiến “Đông Dương lần thứ Hai”, những công thần đầu tiên của Trung ương Cục Miền Nam đã lần mò, tìm kiếm, ráp nối lại con đường... Bắt đầu từ vùng suối Đá, suối Chà Là, suối Ma vùng Bình Long, Phước Long, băng qua biên giới, đến những “mật khu” trong tương lai sẽ vang danh theo chiều rộng thế giới: Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt. Năm 1970, đại quân Miền Nam từ Bình Long, Tây Ninh, đồng loạt xua quân qua biên giới; cánh quân cực bắc của lực lượng vượt biên đã có lần đi xa quá Snoul để đến gần Kratié. Cộng quân tan nát, đổ vỡ toàn thể hạ tầng cơ sở, kho tàng, trọng điểm tiếp liệu và căn cứ trung ương. Hai năm sau, những ngày đầu 1972, một lực lượng cộng khác, thứ cộng nguyên gốc, theo một kế hoạch được bảo mật tinh vi, chuẩn bị yểm trợ cho mục tiêu chính trị, từ miền Bắc xuôi theo đường 13 vượt qua Snoul cùng ào vào Lộc Ninh với 3 sư đoàn chính qui thượng thặng, sau khi được giàn đại pháo 130 đã dọn sẵn đường. Sau Lộc Ninh là An Lộc. Và thị trấn nhỏ bé của miền cực đông-nam Nam bộ, bắt đầu co vào trong một thế gọi là “tử thủ”. Địa ngục có thật bắt đầu từ ngày đầu tháng 4-72 ở đây. Nơi An Lộc.

An Lộc không phải là thị trấn, thành phố, thật ra chỉ là thị xã tỉnh Bình Long, đồng thời cũng là quận lỵ Quận An Lộc, tức Quận Châu Thành của tỉnh. Tỉnh gồm ba quận, Lộc Ninh cực bắc, An Lộc giữa và Chơn Thành phía nam. Tất cả cơ sở hành chánh đều nằm trên con đường 13, con đường lớn phẳng phiu chạy thẳng theo hướng Bắc-Nam, vạch một đường đen thẫm giữa rừng cao su xanh lá, nổi bật trên màu đất đỏ nâu mịn màng đẹp đẽ. Đỏ nâu cũng là màu máu khô, đường 13, con số của sự xấu - Định mệnh đã định rõ: Con lộ mang số tử thần và màu máu thẫm - Hai cuộc chiến tranh chứng tỏ có một Thượng Đế nhẫn tâm khắc nghiệt đã sắp đặt sẵn điều linh cho nơi chốn, lẫn người. An Lộc, tên nghe thuần hậu hiền lành, như cảnh tượng đàn nai chạy tung tăng trên đồng cỏ tranh mượt sóng. Đàn nai sống no đủ bình yên, được che chở bởi tầng cao su, rừng bạt ngàn xanh im bóng nắng và hàng vạn con suối mang đủ các địa danh Việt, Miên, Thượng... Những giòng suối đầu tiên của sông Bé ở phía đông và sông Sài Gòn ở phía tây. Bình Long- Quê hương loài nai nằm giữa hai con sông trải dài trên một bình nguyên bao la, miền Đồng Nai thượng không những chỉ là một vị thế tốt, còn là chiếc nôi nuôi dưỡng quốc gia với tài nguyên thiên nhiên phong phú, quý hiếm. Đất rộng mênh mông trải dài chập chùng đồi thấp đến tận Biên Hòa, Gia Định. Đất giàu đẹp, uy nghi như hãnh diện bất tận quê hương. Nhưng, đúng là quê hương khôn nạn. Quê hương gắng chịu tai ương của nhân loại. Quê hương nguy khôn, ngặt nghèo. Quê hương lửa dậy và Bình Long hừng hực tro bay. Nơi sự sống không còn mặt đất.

Địa ngục trước mặt,

Khi đứng trước An Lộc, dẫu kiểng chân, mở to mắt, tôi cũng chỉ thấy được một tòa lầu cao, ngói đỏ, con đường hơi ép trái trước khi vào thành phố, chiếc tăng T54 nằm bên vệ đường, che khuất một phần không gian. An Lộc cách một khoảng 1700 thước, nhưng sao đã thấy từng con rung trong lòng, đã thấy thái dương giật giật.Đâu phải chiến tranh chỉ có ở trong đó, nơi tôi đứng, năm mươi sáu xác chết của C7, C8 (đại đội 7, 8) của Tiểu Đoàn 2, Trung Đoàn

275, Công Trường 7 đang nằm chật trong các công sự phòng thủ; nơi đây cũng có hai T54, ba PKR 79 nằm chúi đầu xuống hố bom, bộ máy bị tan nát vì lựu đạn công phá. Nơi tôi đứng, chỉ mười lăm phút trước, Đại Đội 62 Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù đã xung phong cú chót bắt tay với Đại Đội 81 Tiểu Đoàn 8 Nhảy Dù. Lần bắt tay vinh quang của quân sự người Việt phương Nam. Nhưng, nơi tôi đứng cũng dậy mùi người chết gây tanh trong gió...Chiến trường nơi đây cũng đã quá nặng nề, nào cần vào đến trong kia.Nhưng An Lộc nơi xa 1700 thước ấy lại gây cho tôi cơn đau đốn giật ngược, người còn cào nóng rục tưởng như đứng trước một người thân vừa ngã chết!

- Tôi vào trong đó nghe anh Năm? Tôi hỏi trung tá Đình, tiểu đoàn trưởng 6 Dù.

- Khoan, mai sớm hẳn hay, đợi đi, từ thằng 8 (tiểu đoàn 8) vào trong kia đâu có yên, nó pháo chết cha mày. Chết lại không có được “tuyên dương công trạng” nữa,

- Ừ vậy thôi, ngày mai.

Đêm xuống thật nhanh trong rừng, rừng cũng chỉ là chữ để gọi tên một vùng cây, vì ở đây rừng chỉ còn những thân cây cháy đen tua tủa dựng lên trời với cành khô không lá. Cây ngổ ngang và rừng điêu tàn. Bom đánh xuống cháy một xóm nhà vốn là sự thường trong chiến tranh, nhưng đốt cháy hẳn một cánh rừng bao la thì chỉ có ở Việt Nam. Nơi thiên nhiên biến dạng bởi lửa đỏ. Tắt lửa, trời tối thẫm, vài viên đạn đại pháo cầm canh điểm giọt dài từ bắc An Lộc đến cuối nơi đóng quân của Trung Đoàn 33 Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Lần đầu tiên tôi dự trận chiến “bắn quấy phá” do pháo của Cộng quân.Ưu thế hỏa lực vùng này không cần phải xét thêm, địch hơn hẳn ta một chặng đường dài, quá dài không theo kịp. Trời sáng tôi sửa soạn hành lý để đông. Có tiếng người gọi 64 (Đình) ở trong máy. Tiểu đoàn trưởng 5 Dù ngỏ lời chào mừng Tiểu Đoàn 6,

-Ông bắt tay được với tiểu đoàn 8 là tay cừ,tụi này đợi cả hai tháng, chả có ai nắm được tay mình, mỗi bỏ mẹ...

- Hi... hi, Đình cười thích chí. Hiếu khóa 14, Đình 15 Đà-Lạt, cùng là dân năm 54 “mang rau muống vào Nam diệt thù”, nay gặp được nhau giữa rừng chiến trận, câu chuyện vang vang những lời thông khoái... Có Nam Xương (Danh hiệu truyền tin trước kia của tôi, Nam là tên, Xương nghĩa là không có... thịt) lên đây với tôi, 55 (Hiếu) có muốn gận nó không ?

- Đâu đâu, cho tôi nói chuyện với nó một chút, lâu không được nói chuyện với dân civil !!Chắc giọng nó “thơm” lắm.

Tôi cười ngượng ngùng, có một chút xấu hổ làm cứng mặt, đàn anh của tôi đã nói thật. Nhu cầu được gặp và nói chuyện với người lạ là một phản ứng thông thường của người lính miệt mài trong rừng rậm. Bao nhiêu lần tôi cũng đã có cảm giác này.Chui rúc mãi trong rừng sâu, đóng quân ở nơi hoang dã, khi thấy được một con đường, dù chỉ là loại đường đất trải đá dẫn đến một làng xóm cũng gây nên cảm giác ấm áp trong lòng - Cảm giác sống giữa nơi có người, không lẻ loi ... Gặp mặt người, ước muốn sao nghe quá cay đắng, nhưng chính là một hạnh phúc tội nghiệp mà chỉ có người lính trong chiến tranh mới cảm thấy.

Tám trăm thước từ tiểu đoàn 6 đến khu vực tiểu đoàn 5 tôi đi hơn nửa giờ...”Mây đi qua đó thì coi chừng, có hai hướng pháo, một ở tây-bắc, một ở đông-nam. Nếu ở hướng đông-nam lại thì không sợ, chỉ sợ hướng tây-bắc, khi nào nghe pháo tới thì đứng xây lưng vào cây cao su hoặc nhảy xuống hố”.Đình dặn dò tôi trước khi vào vùng pháo.

- Anh coi thường tôi quá, cũng đã là Đại Đội Trưởng Đại Đội 93 Tiểu Đoàn 9 từ 1965 chứ đâu phải là dân cù lần chưa đánh giặc,

- Tại vì mày đeo cái máy ảnh, tao cứ tưởng mày làm báo thứ thiệt!!

- Báo quái gì, giang hồ chơi vậy thôi, tôi dọt, về viết bài bóc anh. Rừng không nắng, đất đỏ tung tóe, cây gậy đổ chần lồi đi, xác Bắc quân chôn tập thể ngổn ngang gò đống, pháo rời rạc rơi, cứ năm phút từng cặp một... Tôi cũng nhiều phen tìm hố để ẩn nhưng người làm sao nhanh hơn đạn, khi đứng được trong hố thì đạn đã chạm nổ rồi!! Mới hơn một năm đã quên bỏ hết phản ứng... Chẳng bù năm xưa khi trái đạn đầu tiên vừa nổ ở vùng phi quân sự, tôi đã ở nguyên con trong hố đào bằng nón sắt! Minh hết thời lính rồi. Tôi lằm bằm nhắm hướng tiểu đoàn 5 đi mặc kệ pháo rơi trên mặt lộ... Nếu nhờ mình chết ở đây thì với tư cách gì nhỉ? Dân cũng không, lính chẳng phải. Không có một điều gì kéo tôi đến đây, không lẽ để lấy tài liệu làm “tác phẩm”?!!

Mòm ngâm điều thuốc, tay bỏ túi quần, tay giữ máy ảnh, tôi cũng lạ với mình trong phút giây “đạt đạo” này. Đời là sự vô thường !! Tôi lượn lung tung trong đầu khi bước chân đi qua vùng rừng được lính Nhảy Dù đặt danh hiệu “bãi pháo”. Pháo là pháo kích, đại pháo của Cộng. Hơn ngàn người dân An Lộc đã chết trên tám trăm thước ngắn này trong những ngày trước khi họ cố bỏ nơi đổ lửa để xuôi nam... Gạo xấy, tay nải, nón, guốc còn lác đác đầy khoảng rừng. Chụp hình được hết những mảnh vụn này không ? Tôi tự hỏi khi loay hoay điều chỉnh ống kính. Chẳng thấy được gì, thôi vậy. Tôi xếp máy đi hết quãng đường.

Đến khu đóng quân của tiểu đoàn 5, chẳng có người lính nào trên mặt đất, pháo đang nổ ngoài đường. Dứt pháo, những cái nón sắt từ từ nhô lên khỏi nắp hầm, hầm dưới đất, nắp hầm khum khum như những nắm mồ nhỏ... Cảnh tượng giống như đàn cồng gió khi thấy người đi đến vội tụt xuống cát trên bãi biển. Những người lính vừa nhô lên thấy tôi nhoèn miệng cười.

- Báo hả? Có thuốc lá không ?

- Chẳng phải báo beo gì cả! Thuốc lá còn mỗi điều ở mòm đây, hút không?

- Hút ! Người lính thò tay lấy điều thuốc không chậm một giây.

Đến hầm ông Hiếu, phải một phút kêu gọi, ông Tiểu Đoàn Trưởng thâm niên nhất của Nhảy Dù mới “bò” ra khỏi ổ... À Toa, đợi đây, moa đãi toa hộp bia và bánh do bà vợ vừa gửi lên. Tôi cởi áo giáp, máy ảnh, nhận hộp bia vàng sánh. Như những người lính im lặng chung quanh, tôi bình thân uống từng hớp bia hạnh phúc. Đến một độ nào đó con người “bão hòa” với đau đớn, trở thành trơ, mất xúc cảm và vô vi như một kẻ đạt đạo cao siêu. Tôi chỉ mới qua vài ngày chiến trận, chỉ mới ở vài ngày dưới vùng “hỏa tập tiên liệu” của địch, đầu cũng đã cứng và lòng phẳng trắng vô tri. Uống, bia lúc nào cũng ngon và ngọt, thờ một hơi thuốc thơm lên vòm trời âm u. Âm ! Âm ! Lại hai hỏa tiễn, tôi thụt đầu vào lại hầm, hộp bia sóng sánh trào ra chút bọt nhỏ. Uống thật say đắm, cạn giọt cuối cùng, biết đâu lát nữa khi vào An Lộc lại bé ngay một quả.

- Lâu quá moa không thấy mặt trời, cao su ở đây còn lá, ngày lại nhiều pháo kích, ở luôn trong hầm cho tiện. Ra khỏi hầm chẳng làm được gì, nhờ có chuyện gì lại thiệt cho đơn vị. Người tiểu đoàn trưởng số 1 đã nói thế, trận chiến này quả thật không còn chỗ để khai sinh anh hùng. Đánh nhau bằng lưỡi gươm, người làm tướng thuở xưa có cơ hội chứng tỏ được mưu lược, can đảm và tài nghệ riêng mình. Đánh bằng gươm, lối đánh mã thượng, quân tử, đánh đối mặt, và chết không ân hận. Chiến tranh hôm nay với đại pháo xa hàng chục cây số

và viên đạn vô tình nổ chụp. Người thụ động toàn thể dưới vũ khí tàn ác vô nhân. Chiến tranh không những chỉ hủy diệt đời sống. Chiến tranh còn làm mất giá trị con người.

Mãn thiên hoa vũ,

Vượt hẳn hết ý niệm từ trước, bỏ xa trí tưởng tượng đã xếp đặt, An Lộc không “hu” từng khu, không đổ từng khóm, An Lộc vỡ nát, vỡ tan tành, vỡ vụn...Không còn sự sống trên mặt đất, không còn dấu vết người trên mặt đất, thành phố chìm dưới hầm, sâu dưới đất, càng sâu càng tốt như một ổ mối khổng lồ dưới lớp đất bùn bề mặt. Vòng đai thành phố bây giờ đã nở rộng lên phía Bắc đến gần được sân bay.Những ngày “tử thú” đường phòng thủ này rút xuống ngang hoành độ 88, từ đây kéo thẳng đến cực nam bãi trực thăng B45 đo được 800 thước và bề ngang được 500.Một diện tích rộng chưa tới cây số vuông đã có lần nhận được 8000 viên đạn như trong đêm 11 rạng 12 tháng 5; 8000 viên đạn loại xuyên phá chưa kể hỏa tiễn và cối tung hoành trên mảnh đất chỉ bằng khu vực Đa Kao.Mỗi thước vuông đất phải nhận hơn 10 trái đạn.Đạn Delay xuyên xuống đất hơn một thước mới nổ.Không cần phải trúng ngay hầm chỉ cần nổ bên cạnh cũng đủ xô ngã vách hầm. Dân và lính thụ động co rút dưới hỏa ngục đổ từ trên trời xuống trong hơn hai tháng. Pháo không phải từng cơn, từng giờ, từng loạt, pháo đầy trời như mưa, pháo ào ạt như gió, pháo kín mít như mây. Pháo không vạch từng đường như Mậu Thân, pháo không đi từng luồn như ở Hạ Lào. Pháo và trời chan hòa trộn lẫn như mưa bay giăng giăng che kín không gian của những ngày xuân mưa bụi. Dưới bầu trời đầy những đóa hoa tử thân đó. An Lộc co quắp, vật vã, tan thành mảnh, phát phối bay như tờ giấy xé nát được tung lên giữa trời lộng gió. Một hỏa tiễn nâng chiếc xe jeep bay bổng, khối sắt nặng 1/4 tấn vừa rơi xuống chạm mặt đất lại bị thổi ngược lên cao, nhảy lên một mái hầm như hộp thiếc nhỏ bị quay cuồng vì những viên đạn tinh quái chính xác trong phim cao bồi Mỹ.

Pháo đầy trời nên sự chết cũng ở khắp nơi, chết lan như cỏ gà, chết tự nhiên, như sống thì phải chết. Chết ở An Lộc là hiện tượng tất nhiên. Gia đình bảy người, hai vợ chồng năm người con cùng trú trong một cái hầm. Hầm đào dưới nền nhà trên lót vài tấm ván và một lớp bao cát. Tất cả đo được một thước bề dày. Tội nghiệp, dân đâu biết được cường độ công phá của đạn 130 ly. Nên, ầm một tiếng ngán ngủi, cái nắp hầm tội nghiệp đó tung lên vỡ tan từng mảnh nhỏ như những hạt nước tóe lên khi hòn đá nặng rơi xuống... Chết! Sáu xác chết được một người còn sống chấp nhặt, vá víu để xác người mẹ không có tay người con, để thằng anh không lẫn chân thằng em. Người cha chậm rãi, từ tốn bình thản đi chọn lựa từng phần thân thể một của mỗi người thân yêu, còn gì trong đầu óc khô cứng đó. Không còn gì, chẳng nên gọi đó là óc não con người.Người đã chết. Con người thật đã chết toàn phần ở An Lộc.

Chân dung người giải phóng,

Trên đây là những hình ảnh củanhững “nội” An Lộc, chung quanh An Lộc từ những áp cực tây như Phú Bình qua cực đông Phú Hòa, xuống phía nam như Thanh Bình, Văn Hiến ... Những tên áp nghe thật hiền, hiền lành tội nghiệp như ước vọng nhỏ nhoi của người dân khổ ... Dân cạo mù, dân làm nhà máy mà hơi nhựa cao su đã thấm đẫm qua lớp da, bao quanh thớ thịt tại nên một sắc thịt nâu nâu, nhạt nhạt có cảm giác rút cứng nhão nhoẹt khi chạm phải ... Nhưng những người dân tội tàn này đã bị kéo ra khỏi thôn xóm cuối đời - Họ là di dân từ Trung và Bắc vào - chồng nặng bé con, công cha mẹ đi dọc đường 13 hướng về Tân Khai, Tân Ô, Lai Khê để đến Bình Dương, thiên đường yên ổn khôn mặt đang chờ đón, che chở ... Vì chỉ các Bình Dương trên mười cây số là Lái Thiêu, nơi có lũ người được mệnh danh là “giới trẻ” đang đu đưa trên những chiếc võng ni lông, võng cói, đút cho nhau những miếng sầu riêng, chôm chôm bằng động tác của phim roméo và Juliette, bằng thứ nũng nịu hờn dỗi dưới những tàng cây xanh im bóng nắng. Cũng dưới những tàng cây như thế này ở Bình Dương cách đó không đầy mười phút Honda, những người dân An Lộc ngồi chồm hổm nhìn

ra con đường ngập nắng, hướng về mạn Bắc, nơi quê hương cuối đời đang đỏ lửa Tay vẫn nắm chặt một mẫu vải vụn mà suốt bốn ngày không rời bỏ ... Mẫu vải mang hơi hám kích thước, biểu tượng cho đời sống, niềm hy vọng ở quê nhà.

Người dân rời xóm làng để lại nơi chôn cho những người "giải phóng." Họ đi từ Bắc vào, từ Thanh Hóa, Nghệ An xuống Đồng Hới, băng qua biên giới dọc theo Tchépone, Mường Nông xuôi dần xuống phía Nam, rẽ vào Kontum hay mặt trận B3 hoặc tiếp tục xuống vùng Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt trước khi qua lại biên giới để vào Lộc Ninh, cách An Lộc 18 cây số - Hành lang di chuyển mở rộng không chướng ngại. Họ đến An Lộc từ đầu tháng Tư sau sáu tháng di chuyển và bắt đầu "được" xích vào cần chân ga thiết giáp, xích vào cây để bắn máy bay và xích vào cổ người bên cạnh để đi hết lời nguyên "Sinh Bắc Từ Nam." Ôi, nhưng đó chỉ là bề ngoài, một bề ngoài giả dối tội nghiệp để che chở phần tinh thần đổ nát, tan vỡ trong kinh hoàng, khiếp đảm. Làm sao không sợ được, vì trong đêm 11 rạng 12 tháng 5, sau khi được 8000 quả đạn dọn sạch đường, 3 trung đoàn, mỗi trung đoàn quân số 3 Tiểu đoàn đầy đủ được "tùng thiết" với một đại đội chiến xa thuộc các trung đoàn 203 và 303 thiết giáp, tương sẽ san bằng An Lộc, giết toàn thể lính Mỹ Ngụy, không để sống một người dân. Mười bảy "pass" B52, mỗi "pass" đi qua do 3 phi cơ thực hiện với 42 quả bom 500 ký, 24 quả bom 250 ký. 17 pass bom sát nách An Lộc 600 thước, chiếc hầm bê tông của Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn I Dù "di chuyển" theo con rung của bom. Bom chiến lược, với nguyên tắc chỉ thả cách quân bạn khi có khoảng cách an toàn từ hai cây số trở lên. Cuộc đánh bom phải do chính Trung Tướng James Hollingsworth của Vùng III điều khiển. Và chỉ một "pass" bom ở Trăng Bàng cũng đủ làm cho thành phố Sài Gòn chuyển động, cách nơi đánh bom 30 cây số đường chim bay! Con người nào chịu nổi 17 pass bom đi trên đầu, bao chung quanh không phải từng lớp nhưng từng chồng, từng tầng âm thanh mà cường độ nằm ngoài sức tưởng tượng... Sợ, phải sợ, dù người có được đúc bằng thép, thép cũng chảy, người có uống thuốc liều, thuốc cũng phải tan, Marx, Lénine, Hồ Chủ Tịch, Võ Đại tướng chẳng còn là cái quái gì trong khối không gian điên đảo tàn khốc đó - Sợ, nên dù có bung bít, che dấu trong lá thư gửi về gia đình ở Nghệ An, Nguyễn Đình Nghiêm, ám danh quân số và đơn vị là HT 810042 SZ 7, sau một thời khuyên nhủ gia đình "công tác tốt để đạt được tiêu chuẩn... Em Ba hãy gắng học tập để tiến bộ đúng sự hướng dẫn của Đảng..." Cuối thư không thể cầm lòng được, Nghiêm viết thẳng: "Điều kiện chiến trường rất gian khổ, vô cùng khó khăn, thư có khi 2, 3 năm không viết được, nên gia đình cha mẹ chớ trông thư con". Viết thế nào được dưới 17 pass B52 đó? Viết thế nào được dưới AC 130 Spector bằng Ra-đaba quả 105 ly một?! Không viết thư được là chuyện bắt buộc. Không thể sống được là điều tất nhiên. Làm sao có thể sống được hờ người Cộng Sản? Làm sao để sống và chiến thắng hờ ông Võ Nguyên Giáp - "Thiên tài ngu muội" của lịch sử dân tộc. Lỗi lầm này mấy biển rửa cho tan. Oán hờn chồng chồng cao ngất.

Ở đây, mặt trận với tàn khốc ngập trời, hậu phương lớn ngoài Bắc thì được "bồi dưỡng" với hạnh phúc, "Tết này em sẽ mua về cho mạ 1, 5 cân đường, hợp tác xã ủy nhiệm cho gia đình người đi nghĩa vụ quân sự số lượng đường với tiêu chuẩn đó. Mạ có nói đem bột, trứng qua bên này, nhưng như vậy thì tốn quá... Em sẽ làm 50 cái bánh và một gói chè và mạ đã nhất trí ..." Trời đất hỡi, còn tội nghiệp nào nữa hả trời, ba năm đi làm giải phóng được "hỗn hợp vui vẻ" bằng phần thưởng 1, 5 cân đường!! Anh "giải phóng" cho ai và để làm gì hờ anh Nguyễn Văn Hưu (số quân, đơn vị 271003TB004)?! Anh giải phóng đồng bào miền Nam để "nhất trí tiến bộ xã hội" với 1, 5 cân đường sao anh?!

Trước An Lộc, không có một luận lý nào có thể tồn tại được, chỉ còn tiếng thở dài bi thiết để nén khối đau ra lồng ngực và chớp mi mắt mọng cay tưởng rơi giọt nước vô hình. Nhưng, khóc cũng không nổi.

Chiến trường lộ mặt,

An Lộc tàn khốc, nhưng đối với quân dân Miền Nam, sự tàn khốc này mang một nét bi tráng, hào hùng. Đây là khối lửa nung đốt và tôi chín người. An Lộc bi thương - Bi thương ấy thúc giục con người cố đập đổ định mệnh, vượt khỏi định mệnh tàn ác để tồn tại, tồn tại trong tự do chỉ riêng một lần trong đời cảm thấy khi từ bỏ tài sản cuối đời bằng mình đi dưới trời đại pháo. Chỉ vì muốn sống tự do người dân An Lộc mới bất chấp tất cả, mới vượt qua tất cả, đi trên cái chết, trong cái chết để thể hiện ý hướng trừu tượng mà suốt đời dài không một lần lý luận. An Lộc đứng cảm kiên cường đứng vững chắc trên điều tàn, vĩ đại như ánh lửa soi đường cho cả dân tộc. để lịch sử mãi ghi nhớ, lòng người hằn in sâu. An Lộc, cây cổ thụ quê hương còn lại sau cơn Đại Hồng Thủy máu lửa. Người Miền Nam nhìn An Lộc như tấm gương soi rõ chân dung bình lặng cao cả của mình.

Và chiến trường này cũng có đủ mặt trái của nó. Đó là một chiến trường phi nhân, vô lý và tuyệt vọng. Chiến trường hư không. Chiến trường chết, mồ chôn ảo vọng và bạo ngược. Người cộng sản hứng hết mặt trái khốc liệt này.

Bỏ đi những sự kiện chiến thuật như Bắc quân đã có đủ ưu thế chiến trường, gần hậu cần, hành lang chuyển quân rộng rãi, dễ di chuyển, nguy trang tốt, tiếp vận, tiếp liệu đầy đủ và nhất là được yểm trợ bởi một hỏa lực khủng khiếp, một hỏa lực vượt hẳn mọi hỏa lực bộ binh đã sử dụng của quân sử thế giới. So với Mậu Thân, Hạ Lào, chiến trường Trị-Thiên, Kontum... An Lộc vượt quá xa về hỏa lực. Không có một trận địa pháo nào dồn dập và nặng nề như trên chiến trường nhỏ bé An Lộc. Sẽ không bao giờ có nữa, chắc chắn như thế. Nhưng dù đã có được hết ưu thế chiến thuật, ba công trường 5, 7, 9, được tăng cường hai trung đoàn chiến xa 202 và 203, cộng quân vẫn không “dứt điểm” An Lộc. Mặc dù cho đến hôm nay khi viết những chữ này (20-6-72), địch vẫn còn hoạt động mạnh tại Tàu Ô, Đức Vinh và An Lộc còn nằm trong vùng hỏa tập tiên liệu của hai hướng pháo Tây-Bắc, Đông-Nam. Nhưng mục tiêu chiến thuật (nhấn mạnh nghĩa chiến thuật) của chiến dịch đã bị gãy đổ. Hoàn toàn gãy đổ.

Nhưng, mặt trái chiến trường cũng không phải ở lần thất bại quân sự này. Mặt trái chính là lần tan vỡ “huyền thoại không tưởng” về bộ binh Bắc Việt. Bởi nơi đây đã minh chứng, không hề trên mặt trận lại có một loại lính năng lực tác chiến xuống thấp đến thế. Khả năng tác chiến kém có thể do vì thiếu huấn luyện, thực tập, chưa đủ kinh nghiệm trận địa... Nhưng ở đây, yếu tố chính để kết nên căn bản cho toàn bộ yếu kém này là tinh thần Bắc quân: Khô hủ không thất vọng và chán nản cao độ. Ở mặt trận Trị-Thiên, binh sĩ Bắc Việt khi vượt sông Bến Hải tràn xuống Đông Hà, Quảng Trị dù sao vẫn còn mang được tâm lý Đánh trên quê hương, nơi đất nhà, vùng thổ ngơi còn dính líu với Miền Bắc. Họ lại được thúc đẩy thêm “ý niệm đi giải phóng, chiếm đóng” cộng sự hận thù đối với dân chúng Miền Nam, nhất là dân cư ở các thị trấn, thành phố. Tâm lý này còn nguyên cường độ nên khi vào Quảng Trị, toán lính Bắc quân vẫn giữ được tính chất cực đoan, cường bạo để thúc dục tinh thần và nâng cao khả năng tác chiến - Khả năng giết dân và quân dân Miền Nam. Ở chiến trường Kontum, tuy trải qua một chặng đường dài di chuyển, lại chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn, tinh thần Bắc quân vẫn chưa hẳn hoàn toàn tan vỡ vì các trận đánh ở đây cao độ Delta, Charlie, Hotel phía tây Quốc Lộ 14, ở đèo Chu Pao không có sự hiện diện của dân. Đánh trong rừng, người lính khai triển tối đa khả năng chém giết, không bị ghê tay bởi những cảm giác ân hận, lỡ lầm. Nhưng ở An Lộc thì khác hẳn, Bắc quân từ mặt khu bôn tập về mục tiêu mạt dân nhiều hơn lính- Dân dáo dác, sợ hãi, trốn lánh và chết thảm... Lòng người nào trong cuối đây không thoáng ân hận khi chính tay mình hạ sát kẻ tay không?! Thêm vào đây, các công trường 5, 7, 9 chỉ là chỉ danh của các sư đoàn “mặt trận” có cán bộ và lính người Nam xen kẽ cùng những người từ phương Bắc đến. So sánh đã xảy ra, chuyện trò sẽ tỏ rõ, lính Bắc nhận được chân dung đích thực của mình, biết rõ hành động phi lý khi rời bỏ quê hương từ một chốn mịt mù để dẫn thân vào cuộc chiến tuyệt vọng. Tuổi 15, 16, 17 rất dễ bị kích thích nhưng cũng mau mắn ngã lòng - Số tuổi trung trực, nhạy cảm và thơ ngây. Lính Bắc ở mặt trận này bị phá vỡ toàn diện hệ thống

tinh thần vì chiến trường lộ mặt: Hàng ngày dân chúng vượt qua “bãi pháo” qua Xa Trạch, Tàu Ô... vượt nổi chết để chạy về phía lính Cộng Hoà... Tất cả thực tế này như cánh tay nghiêng ly nước lã đầy. Lính Bắc vỡ mặt, thấy mình kẹt trong chiến trường phi nghĩa, vô nhân đạo. Nhưng quả muộn màng vì cổ đã bị xiềng vào đồng đội... Giờ báo tử cho bộ binh Bắc Việt đã điểm.

Thư của người tình hư vô,

Di chuyển trong 6 tháng với cơm khô muối hột, dự trận chiến vô vọng, lại có thêm hoàn cảnh để so sánh. Người dân miền Nam và miền Bắc. Có thư viết về Bắc thú nhận : “Vấn đề bồi dưỡng tại chiến trường lúc này đã tiến bộ, không còn thiếu thốn như ở thời gian di chuyển (từ Bắc vào) nữa.”Được ăn ngon, thấy rõ dân tình, tránh nhớ đến gia đình nơi xa thiếu thốn, đường về không còn lối, lòng người lính Bắc trẻ tuổi trùng hẫng xuống đến độ thấp nhất, trong cơn ngất ngư lại được “bồi dưỡng” thêm bởi những giòng thư thương nhớ, cái nhớ trùng điệp như Trường Sơn, mịt mù như rừng thẳm, nhớ tha thiết, nhớ giỏ máu, cắt da ... Nhớ và cảm thấy được hết nỗi tuyệt vọng của cuộc tình chia cách. Sức mạnh nào để cầm cây súng, trái tim nào còn đập theo nhịp căm hờn. Người lính Bắc hay gã lính xâm lược ngụy danh cay đắng trong chiến trường lộ mặt, “Áp lá thư em vào ngực anh đọc đã mấy chục lần ...”.Người tình hư không đã viết vào nhật ký để trả lời cho bức thư tha thiết.Thư của Người - gửi - Người.Người yêu đâu không bao giờ gặp lại. Những bức thư có những nội dung như sau:

Anh Huru thương :

Thế nào, hai Chủ nhật trôi qua có nhớ lắm không ?Có thể nói từ khi anh và em cùng nhau bắt tay xây dựng vợ chồng thì hai Chủ nhật này là hai Chủ nhật khó khăn và nặng nề vượt qua lắm anh hê. Em biết lắm rồi, trong những giờ phút đó anh muốn hét lên thật to để làm sao ôm lại những lời nói của anh, rồi cùng anh nói chuyện, em cũng biết lắm những bước chân đi trong những giờ phút đó nó như một con người không có tri giác mà những bước đi đó không hề biết đến, không hề nhớ đến, đầu óc sẽ triền miên suy nghĩ, những cái gọi là kỷ niệm ở đời sẽ hiện ra và bắt đầu như diễn kịch trước mắt.Thật đúng tâm trạng của anh lúc đó em sẽ đoán được, vì sao em lại biết tài như thế ?Vì em đã nằm giữa trái tim anh, dòng máu của anh đã cùng chảy theo nhịp thở của em, cho nên dù sao, dù ở phương trời nào em đều đoán được.

Thế nào rồi đó, chân sưng to không bằng cái “cột đình” chưa ?Vai đã lột những lớp da bên ngoài gọi là “hồng hào” chưa ?Có đau lắm không anh ?Có hỏi họ để tìm lá dâu ngoại khoa mà bóp chưa, nhức lắm anh hê.Anh Huru ơi, em biết đi đường vất vả lắm rồi đó, ăn uống khan như vậy có mua gì cải thiện đến không ?Trên đường đi có xảy ra đau ốm gì không ?Nghĩ đến đó em tê buốt cả người, càng thêm nhớ nhưng suy nghĩ, có sinh ra cái mụn nào để làm thêm đau đớn bản thân không ?Vì mùa này là mùa mụn của “đồng chí” đây phải không Thủ trưởng.Hai chữ Thủ trưởng nói cho vui vậy thôi, chứ không phải em mơ ước như vậy đâu nhé.Thật ra tâm trạng của em chỉ mơ ước rằng sao cho ba năm nghĩa vụ xong anh được an toàn cùng về với em, em muốn nhắm mắt làm sao thời gian sẽ trôi nhanh đi và nhanh đi nữa để anh và em được về sống trong một ngôi nhà nhỏ hẹp, để cùng nhau vượt qua khó khăn, cùng nhau hưởng những hạnh phúc đẹp đẽ.Những hạnh phúc đẹp đẽ, những cái đó em nuôi một mơ ước, một mộng đẹp, chứa đựng nó trong một khối óc, trái tim đầy tình chung thủy của tình nghĩa vợ chồng đã nhen nhúm từ lúc đầu.anh ơi, xa anh đi, em nhớ lắm, em thương anh lắm, anh nói, anh cười, anh triu mến thương, em làm sao quên được.Có ai hiểu thấu tâm trạng của em trong những lúc nhìn vật của anh, từ nét chữ anh viết cho em, rồi đến cái nhìn nữa ... Chao ơi em muốn bầu lấy mà nhìn, nhìn mãi, nhìn vui nào cho chán được.Anh Huru ạ, nói mãi cũng không hết nhớ nhung của em lúc này đối với anh, thôi em nói chuyện khác anh nhé ...

Trên đây là hai trang đầu tiên của chị Nguyễn Thị Hàng, giáo viên ở Nghệ An viết gửi anh Lê Văn Hưu địa chỉ là : 271003 TB 04, thuộc cánh quân của trung Đoàn 124 phối hợp với Đại Đội 1/117 Trung Đoàn 203 Thiết Giáp, không biết rõ anh ở đơn vị nào ... Thư viết bốn trang, tôi ghi lại hai trang đầu không sửa một nét, không thêm một dấu ... Đầu nằng và tay run khi viết lại những hàng chữ trên, người yêu Lê Văn Hưu của Nguyễn Thị Hàng đã chết, chết ngay tại trận đầu tiên sau sáu tháng vượt Trường Sơn vào Nam giải phóng. Người yêu đầu đó đã chết, làm gì còn “ba năm nghĩa vụ quân sự chấm dứt để anh về với em” hờ chị Hàng ? Tình yêu, nỗi lo lắng của chị chỉ còn vang động trên hư không, người yêu đầu rất thương của chị không phải chỉ bị nổi mụt, sưng chân, trầy vai, cảm sốt. Anh Hưu đã bị chết bởi đạn, bởi bom, chết hai lần, ba lượt, chết cháy, chết tan hoang, tiêu tán và tàn khốc. Không phải lỗi của chúng tôi chị Hàng ạ, chúng tôi phải tự vệ để sống còn, cũng không phải của anh Hưu, anh ấy cũng muốn ở lại bên chị để được “cười rúc rích với nhau dưới lớp toi lá,” để được ăn ngô vì “vườn ngô trước nhà đã được mùa,” để được ăn cá và bánh do chị và mẹ làm ... Anh Hưu không muốn qua đèo Mụ Già, không muốn qua Tchepone, Lao Bảo, anh muốn ở cùng chị để tay nắm tay và “máu cùng chảy với nhau..” Tội này là tội của chúng nó - Lũ đồ tể tay không dính máu, hồn cứng ngắt bởi quyền thế và danh vọng. Lũ chúng nó say thứ nặng nhất trong tất cả mọi nỗi đam mê - Chúng nó say danh, say tiếng - Trời hời, chút tiếng tăm vang động trên năm châu, trên trăm ngàn tờ báo của mọi nơi đã làm con người biến dạng thành quỷ quá dễ dàng thế sao ? Lũ ngạ quỷ trầm luân mang danh người và chiêu bài cách mạng giải phóng. Chính chúng nó, thứ thiên tài chết ngập đầy oan khiên ... Chị Hàng thân mến, tôi người miền Nam không biết được chị, nhưng tôi cũng có một người yêu, một người vợ lo lắng đón chờ mỗi lần tôi bước ra đi ... Tôi đi ngắn, chỉ qua vài trăm cây số và về lại trong bình yên, anh Hưu đi đường xa vạn dặm, chuyến đi vào mịt mù, vào tan vỡ ... Anh Hưu không thể trở về, không bao giờ trở về được ... Gửi lời chào đầu đón đến chị, người đàn bà chờ đợi người chồng bộ đội không hề trở về - chị Nguyễn Thị Hàng, ở ngoài Bắc, một vùng đất khổ quê hương tôi.

IV

Trị-Thiên,

Đất vinh danh cho người,

Nếu được hành quân tái chiếm Quảng Trị tôi sẽ cúng một con heo. Một người lính Sư Đoàn 1 đã nói như thế. Không phải câu nói chơi, phút bốc đồng nhưng là tình cảm mãnh liệt tha thiết được diễn đạt bằng ngôn ngữ giản dị, chơn chất. Giữa đất và người không còn biên giới, người lính không nhìn các địa danh : Cam Lộ, Hương Hóa, Trị Bru, Phong Điền, An Lỗ như những mục tiêu quân sự, chôn không hồn mà nhiệm vụ bắt buộc phải đi đến trong một thời gian và sau đó đợi chờ từng ngày qua để trút đi đưng đưng lạnh nhạt. Đất và người gắn bó không giải thích được bằng lý luận, chỉ cảm thấy bàng bạc mơ hồ, chứng nghiệm bởi một trực giác ngây ngất ... Và không riêng cho người lính sinh trưởng vùng Thừa Thiên, Quảng Trị. Những người khác, những sĩ quan, trung sĩ, binh nhì sinh trưởng ở Bắc, Nam thuộc các đơn vị tổng trừ bị, hành quân tăng phái đến, bước chân đến vùng địa đầu đất nước lòng bỗng nhiên chùng xuống trong xúc động lạ lùng ... Nhiệm vụ hành quân không được nhìn thuần túy như một công tác quân sự có tính cách bắt buộc, hành quân vùng Thừa Thiên, Quảng Trị âm vang mệnh mông, tính chất cuộc viễn chinh thánh chiến, đấu tranh giữ đất, giữ nước, đấu tranh cho một lẽ sống còn. Chiến đấu ở miền giới tuyến hào hùng như bước chân qua một bờ lịch sử. Tương lai dân tộc được quyết định qua vùng đất này.

Đây không phải là một cảm xúc quá độ được tăng thêm cường lực để làm dáng trong văn hương nhưng đã đi lính, đội nón sắt, mặc áo giáp, nhảy trực thăng xuống Khe sanh đồ quân trên các mỏm Động Thông, Động Gió, đã di chuyển theo giòng Tam Giang, qua Túy Vân lúc sương còn mờ trên đầm Thủy Tú hay ngược phía Bắc để đi vào vùng Phong Điền, Đại Lộc, Phá giăng giăng mưa bụi, trăng non soi ánh sáng bạc thêch, ánh sáng chết trên mặt nước lăn lăn sóng nhỏ, thôn xóm xa lặng trong bóng tối, nghe trong lòng cơn ào ạt xúc cảm, thấy rộn rã từng ạt rung động trên làn da - Đất linh thiêng, huyền bí bao trùm vây bọc, con người trong đó thấy tan biến, hòa hợp vào cùng từng ngọn cỏ, cơn gió, người thấy đau, đau rõ ràng như nhức buốt như vạch xanh của sông Bến Hải vạch đường độc địa trên bờ cát thênh thang - Đất và người cùng đau với vết thương quê hương.

Cảm giác trên đã thành hình, đã gây nên phản ứng sinh lý làm rụng sợi lông tay cảm xúc nhưng có thể không được phân tích, không được rọi nhìn, định lượng, người lính “thấy” ràng buộc, thấy mơ hồ, lãng đãng nhưng chắc chắn, cần thiết như không khí hít vào trong mỗi cử động.

Trị-Thiên, ngoài đất còn có người, người Huế, người Quảng Trị, người ăn cơm ghé sắn, người uống nước “chè” nấu bằng lá ổi, người gọi lính bằng “anh cộng hòa ơi ...” Những người đã mừng rỡ đến ngất xỉu sau mùi, mùi lăm ngày dưới hầm sâu, nhịn đói nhịn khát, đại tiện, tiểu tiện và ngủ trên cùng chiếc chiếu như trong mùa xuân Mậu Thân khi nghe ngoài đường phố tiếng lách cách của báng súng đập vào đùi khi người lính di chuyển. Lính Cộng Hòa tới! Lính Cộng Hòa tới! Người dân hé cửa nhìn: Trên đường phố vắng, hai hàng lính đi song song ở lề đường, đội hình, y phục hoa của Biệt Động Quân hay Thủy Quân Lục Chiến ... Lính Cộng Hòa bà con ơi !! Sống rồi bà con ơi!! Ông già, người trẻ, công chức, cảnh sát mở toang cửa ào ra đường... Mừng quá mấy anh ơi, mừng quá!! Mấy anh ở đây luôn hả?? Uống nước không? Những người lính từ miền Nam ra bị vây kín bởi một nồng nhiệt bốc lửa. Họ là điếm sống cho thành phố Huế đã đến đáy hấp hối và tuyệt vọng. Còn vinh quang đẹp đẽ nào cho bằng tiếng kêu mừng rỡ của người dân Huế trong mùa xuân đỏ lửa khi được sống gọi đến những người lính xa lạ phong trần.

Đấy là những sự kiện của mùa xuân năm xưa. Bây giờ, tháng thứ ba của ngày Bắc quân mở cuộc đại tấn công và Miền Nam, Quảng Trị, Thừa Thiên, hai thành phố đầu tiên hứng chịu tai ương tàn khốc của bom đạn và người dân của hai thành phố này lại thêm một lần tay bé con, lưng còng cha mẹ già xuôi theo Đường Số I dưới che chở độc nhất hay niềm tin cuối cùng - Người lính- Bộ đội cộng hòa ơi, cứu bà con, bộ đội cộng hòa ơi! Trên đoạn đường máu Quảng Trị, Hải Lăng, Mỹ Chánh không phải một người, nhưng toàn khối dân bị thương nguy biến cùng gọi lên như thể một lần. Gọi bằng hơi thở cuối, mồm há hốc, mắt trợn đứng, gọi khi máu chảy, khi nằm xuống tan vỡ, tay lằn trên chuỗi Thánh Giá, mắt nhắm nghiền, trên đầu, chung quanh đại pháo Bắc quân nổ liên hồi, nổ tàn ác... Đạn nổ không bỏ sót một phần đất, không quên một thân người ... Bộ đội Cộng Hòa ơi !Người dân lại một lần kêu to lên như thế. Vinh quang biết mấy cho người lính Việt Nam.

Đất không Vinh Quang riêng cho Lính, đất còn là Thánh Địa cho Người. Người tầm thường, người còm cõi, người quắt queo khô héo như nhánh “nè” (1) khô róc tong teo, lay động dật dờ dưới cơn nắng hạ chí. Nhưng những người tội nghiệp, tàn tẽ, răng đen, môi nẻ tóc rối, người mà tai ương đã hiển hiện lên giọng nói, bất hạnh đã đặt mồm ở tiếng “khóc kể” bi ai hờn oán. Bất hạnh cũng đã có “điềm” ở giọng hò thê thiết đến rợn da khi những con thuyền chập chùng trong bóng tối lướt thướt trên sóng qua Bàng Lãng, Ngô Xá, La Vân, La Chử, Vân Trình.a ... ơ ... chỉ hai tiếng nhỏ con thuyền đi hết khúc sông mà âm thanh còn lộng trong gió ... Đã có “điềm” rồi nên dân Trị Thiên dù không cơm, không gia, không nương, rẫy bãi vẫn tồn tại và sống còn.Họ sống bằng gì và như thế nào ?Chuyên hết tháng ngày đi quakhông cũng đủ là một việc vĩ đại ... Rất vĩ đại ... Rồi ba tháng máu lửa này, chui dưới hầm, ăn khoai sống, hứng chịu ngàn trái đạn của hai bên ... Ngày Hải Lăng vừa được quân ta tái chiếm, đồ đạc cho vào thúng sau, thằng con ngồi thúng trước, người đàn bà nhỏ quắt queo gánh “gánh đời” đi thoãn thoắt trên mặt cát trắng bầy nhầy lớp thịt người ... Người trị Thiên có “tài” đi nhanh như thế đã bao năm ??Có anh phóng viên đài truyền hình chặn hỏi:

- Chồng và mấy đứa con lớn đâu?

- Chết hết rồi ... Họ đem đi băm, vằm, chém nát, chôn sấp đập ngựa mô không biết!!!

- Bây giờ bà đi đâu?

- Hí ? Người đàn bà nhà quê không hiểu câu hỏi.

Cho dù hiểu đi nữa thì bà ta cũng không biết đi đâu ... Quo vadis ? Mà đi đâu ? Chúa có hỏi đi chẳng nữa người cũng không trả lời được ... Đi đâu? Ngày đã hết, đời đã hết, chỉ còn mỗi con người lừng lững cùng nỗi đau đón mịt mù không

Về quê hương điêu tàn,

Phi cơ đến Huế lúc một giờ sáng tắt đèn từ trên cao khi lấy hướng đáp, thấp xuống, thấp xuống chút nữa, trên một độ cao cần thiết, đèn ở cánh được bật cháy, chúi xuống và bánh chạm đất, đèn lại tắt.Không một phi trường nào im lặng và tăm tối bằng.Phòng tối, ngón ngang lính nằm, những người lính tóc rối và râu rậm, họ ngủ mệt nhọc và trăn trở, giấc ngủ đứt khoảng khi có tiếng động của bước chân đi đến dù tiếng động cực nhỏ, những đôi mắt đỏ hoe mở ra xong khép lại.Gần trăm con người không ngủ, họ chỉ nhắm mắt và nằm ... Ngủ, hình như họ đánh mất sự nghỉ ngơi này, mất đã lâu, từ hơn hai tháng trên các căn cứ võ Định, Diên Bình dọc quốc lộ 14.Ngủ chỉ là trạng thái chập chờn của đôi mắt khép lại nhưng tai lắng nghe ... Nghe tiếng nổ hoặc tiếng départ của pháo nơi xa ...

Chẳng có vẻ gì để gọi là chiến tranh loạn lạc và điêu linh nơi chúng tôi đang đứng trong buổi sáng đầy nắng vàng và gió từ sông mang hơi nước dịu nhạt bay đến. Xóm Mỹ Chánh đổ nát vì vụ dội bom lâm hôm mồng 5 khúat sau rặng tre, chiếc cầu gỗ cháy từ bao ngày trước còn bốc khói, nhịp cầu sắt bị đổ xuống không đủ cường độ để gọi lên không khí bi thảm của trận chiến vừa xảy ra cách đây mười ngày trên con đường nhựa bên kia sông, nơi bãi cát đù hiu lặng đứng những khóm tre còm cõi ... Những tang thương trầm thống của những ngày qua tan biến trong ánh nắng đẹp đẽ vàng rực của buổi sớm mai này. Có tiếng chim cu gáy ở bên kia sông, tiếng chim mộc mạc âm áp như giọng cười khúc khích của đứa trẻ.

- Đây, toa thấy cái lũy tre ở đầu con sông nơi chỗ quanh của con sông không? Liền chỉ tay về hướng đông, nơi con sông quanh một vòng thật đẹp để đổ vào phá Tam Giang.

- Ồ, tôi thấy rồi, chỗ đó tôi đã đóng quân. Làng nội tôi đây, làng Vân Trinh, tên nghe hay không, mỗi vụ hè tôi về đây chơi, năm mười tuổi đã lội qua sông này được ... Hai mươi năm sau cho bạc triệu tôi cũng không qua được bên kia một mình.

- Ừ. Tôi lơ đãng nhìn theo con sông, nơi này mùa đông xưa tôi đứng trên bờ đợi Mẹ cỡi áo bơi qua sông mua rượu, phía trái nơi xa có bãi đất bồi thừa ruộng, bấp lên những lá xanh ngắt ...

- Người miền Trung cực quá, không đủ đất trồng lúa, có chút đất bồi là bám vào ngay. Ba mươi cây số từ núi ra biển không có chút đất màu, toàn cát và cát, cằn cỗi xám xịt không như cát vùng Nha Trang, Cam Ranh.

Súng nổ sát bờ sông, súng nhỏ, Bộ Binh Bắc quân mở đường, đánh thăm dò ... Chúng trở về nơi Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn, Pháo đang báo cáo với Lữ Đoàn.

- Đó là tiền phương bộ binh của tụi nó xuống quan sát mình, chẳng hiểu nó bắn súng cối và 57 như vậy để làm gì ? C ... Mà gọi pháo binh làm mười tràng vào nơi yếu tố mà toán viên thám ghi nhận tiếng départ. Phúc nói với Tiền, sĩ quan ban 3.

Pháo từ Phong Điền rơi lên ào ạt. Bắc quân ngưng tác xạ, họ xuống hầm hay đã bị chết, không biết được, những đám bụi do đạn nổ bốc lên tan đi thật nhanh, chỉ còn luồng khói đen cuồn cuộn bốc cao. Một ngôi nhà bị cháy. Có tiếng găt của anh Phúc : “ Tụi nó đặt súng ở đây thì xin bắn ở đây, làm sao biết viên thám đêm vừa rồi có người đứng hay không ? Tiên sư có vợ, bị cạm sừng cũng đêch biết nữa là ...” Anh ném cái ống liên hợp vào một góc nhà tụt xuống hầm chỉ huy xô chân vào đôi dép đi vào nhà thờ ...

Đường về, trời nắng gió im buổi trưa mùa hè miền Trung bốc cháy toàn thể cảnh vật, núi im lìm rung rinh sau lớp hơi đá mờ nhạt, người lính bị thương ngồi băng sau gác bàn chân sưng đỏ máu đầm ướt cuộn băng bầy. Qua Phong Điền, xe bị kẹt, ngừng lại dưới tàng cây nhìn Pháo binh TQLC di chuyển cho cuộc hành quân đang khai diễn. Họ nhìn tôi tò mò, áo lính Nhảy Dù đi xe TQLC, tóc dài và chiếc máy ảnh ở ngực ... Tôi trông chẳng giống ai ! Tôi cũng biết thế nên lúng túng đưa máy hình lên chụp loạn xạ. Ôi tôi hành nghề báo. Có một điều gì buồn buồn trong thân.

Mỹ Chánh không có gì, quả thật vậy, tôi về Sài Gòn, thay lớp áo quần dơ và ướt, uống ly rượu có đá lạnh, chạnh nhớ những người bạn ở nơi xa đang ao ước một tờ báo, dù tờ báo đã cũ từ ngày 30 tháng Tư ... Điều này làm lòng tan vỡ, những người sống trên khổ nhục miệt mài, trong núi xanh, trên cồn cát, những “sinh vật” lính quen thuộc và thân ái bị quay cuồng níu kéo hoài vào gian nguy triền miên ... Không phải chỉ có ở Mỹ Chánh với Trâu Điền, nhưng khắp cùng đất nước, từ núi cao xuống đồng bằng, có đủ trên mỗi phần đất của quê hương. Mỹ

Chánh không có gì ngoài hai xác chết bên kia sông cạnh chiếc xe tăng bị cháy, tiếng nổ B52 âm vang đều đặn và núi rung rinh, cây cầu bốc khói xám. Những người và cảnh chết này có nỗi yên nghỉ riêng, lòng có xôn xang là hình ảnh người lính mang dép Nhật, chống cây gậy đi trên thôn xóm tan vỡ, người lính không đầy 20 tuổi ... Em bị thương !Chỉ còn tiếng nói và hình ảnh đó đè nặng ở đỉnh đầu, tay tôi run và nặng khi viết những dòng chữ vô nghĩa này.

Quả bom chiến lược hay viên đạn súng colt chỉ gây một tiếng nổ, cũng chỉ viết thành “một chữ” trên trang giấy, nhưng trăm thống của con người thì mệnh mông. Chữ nghĩa vô tri viết được mấy cho vừa.

Huế còn thờ,

Huế sống, chắc chắn như thế. Sống vì trong lòng Huế có những kháng tố âm thầm lặng lẽ, những phản ứng kín đáo mang sức mạnh sinh tồn của con người khi bị ép đến cuối chân tường, đưa đôi tay tuyệt vọng lên đầu, đánh đòn quyết tử để vượt qua biên giới giữa chết và sống. Huế sống, dù mệt mỏi, tàn tạ đau đớn, tất cả phải được vượt qua, qua hết để gánh chịu nỗi kiêu hãnh ngậm ngùi của một dân tộc tồn tại sau hàng hằng điều linh. Huế phải sống vì số kiếp bi tráng thể thảm đó. quê hương tôi không chết được ... Huế còn thờ.

Quê hương, nghe như lời mai mĩa, như tiếng cười khùng khinh lạnh nhạt. Quê hương đó và tôi xa lạ, lạ từ đường tóc giòng máu, lạ ở tiếng nói cách cười, xa lạ hoàn toàn trong lối sống và nhìn đời. Nơi chôn đó với tôi có một cách xa không bù trừ được. Nhưng tôi phải nhớ đến Huế, phải nghĩ đến, phải đau đớn bồi hồi khi đi lại trên những con đường vắng bóng người, không phải sự vắng vẻ yên tĩnh của hàng cây xanh lá vang động tiếng ve. Sự yên tĩnh ở đây nín lặng và đau đớn như ngôi nhà đóng cửa với tấm bảng “Nhà đang có chủ ở.” Giòng chữ không làm nóng không gian, chỉ tăng thêm sự run rẩy lo sợ thiếu hơi ấm của người. Tôi đến Huế vào ngày Huế vừa hé cửa như con voi già mở đôi mắt nhỏ từ đồi cao nhìn xuống đám rừng xưa nơi phần mộ của giòng giống nó. Con voi chưa chết được, Huế vẫn thế, Huế chưa đi hết đời của mình, Huế đang sống, còn sống. Tôi đau đớn ngất ngư, thấy nhói ở trong lòng, từng cơn đau có thật khi đi qua cửa Chánh Tây bị đổ nát, qua các khẩu súng đồng mà ngày nào trong thuở nhỏ, hai mươi năm trước, tôi ao ước được bò lên ngôi trên đầu nòng súng rồi nhảy từ đây xuống. Tôi phải đau với Huế vì thấp thoáng trong không gian mờ nhạt của Huế co ro ướt át, tối mùa đông năm 1949, cầu Gia Hội đang sửa chữa, tôi loay hoay lạc lối trên những con đường Ngự Viên, Trung Bộ, lạc qua cầu Đông Ba về đến cổng Phát Lát, thàng bé đội nón cối trắng và đi ba ta quai chéo, quần dài xanh có tấm yếm trước ngực “để che gió máy” Tôi đây, tôi của tuổi ấu thơ hồn độn những rung động chưa đặt tên trong một thành phố âm thầm thể thiết. Tôi đau với Huế, phải nhức nhối từng hồi, giật giật ở thái dương khi nhìn cảnh người đàn bà tắt tả gánh đưa con đi trên đường Hương Thủy, Gia Lê, hai vạt áo dài đen đánh phần phật vào đôi chân luống cuống. Thuở xưa cũng thế, cũng chạy giặc, cũng “vỡ mặt trận,” cũng tan nát lửa đỏ và điêu tàn hùng hực. “Tây từ bên Tòa Khâm đánh qua, mẹ bỏ con trong thúng và gánh đi trong lửa đạn”. Thế nên tôi phải đau cùng Huế, dù quê hương đó bạc đãi, phân li..

Huế sống, cũng như sau bao nhiêu đại loạn, Huế chậm rãi chắc chắn chống gậy, lẩn từng tác, từng phân dựng đứng cơ thể tàn tạ và hồi sinh. Lần này cũng vậy, sau khi mất Đông Hà và Quảng Trị bị vây khốn, đồng bào Quảng Trị băng qua vùng Hải Lăng, Lương Điền chạy về Mỹ Chánh, dân Mỹ Chánh nhập vào lui xuống Phong Điền, An Lỗ ... Nhưng Phong Điền, An Lỗ đâu phải là phòng tuyến “từ thủ” được ; hai con sông cạn đáy phơi lòng cát khô khan dưới mặt trời hạ chí ... Những người dân này lui thẳng về Huế ... Và Huế bắt đầu thất thân hoảng hốt. Nhưng vẫn rất nhiều người tin tưởng: “Phe mình giữ được Quảng Trị, can chi mô, vài bữa mình lấy lại Đông Hà mấy hồi ...” Nhưng niềm tin tin tưởng như quả bóng căng hơi sau khi nhận mũi kim đâm ngập. Quảng trị mất, mất chung hùng tức tối. Biệt Động Quân nương nhau

đọc quốc lộ về Nam, thủy Quân Lục Chiến co lại, tiểu đoàn này đỡ tiểu đoàn kia rút gần xuống Mỹ Chánh và sư Đoàn 3, không phải lỗi ở lính, ở cấp chỉ huy không gian, cũng có thể không ở Tướng Giai (chưa có thể kiểm chứng được) tan vỡ một cách phi lý, ba trung đoàn dù bị thiệt hại từ ngày đầu tháng 4 vẫn còn đủ quân số, vũ khí, phương tiện liên lạc, bỗng nhiên như viên đá nhỏ tan trong ly nước bốc khói. Một đại đơn vị vỡ tan trong bất thần kinh ngạc, dân và lính đua nhau chạy giặc đổ về Huế như cơn nước từ nguồn băng qua bờ đê cát nhỏ. Và Huế dưới cơn ép kinh hoàng của Quảng Trị nổ bùng, vỡ nát như ánh lửa điên loạn bốc cháy chợ Đông Ba chen tiếng đạn của đám quân đói, Huế vỡ tan. Vỡ dưới ảnh hưởng kinh khiếp của Mậu Thân, giặc vào và ta chết, chết từng loạt.

Huế hốt hoảng vì viễn ảnh tháp thoảng toán lính mang ngôi sao vàng sục sạo khắp cùng ngõ ngách, đường hầm để tìm địch, giết Ngụy. Huế sợ và bốc cháy lo âu ... Người xuôi Nam hướng Đà Nẵng, nói nhau chen chúc trên tất cả mọi phương tiện di chuyển. Bỏ quê hương chạy giặc...

Bây giờ là buổi chiều. Huế đang ở mùa hè, phượng đỏ, mặt nước sông Hương loáng ánh nắng. Tôi đi dọc bờ sông, chiếc cầu mới quá tân kỳ, chân cầu vây kín giầy kẽm gai để phòng thủy lôi không hợp với nét cổ kính tàn phai xứ Huế, công trường Phú Văn Lâu tiêu điều, lá xanh không che nổi sức nóng. Nơi này, thuở xưa xa lắm, tôi lang thang nhặt những hạt cườm đỏ có chấm đen từ cây rụng xuống, đứng ở bồn hoa nơi có bốn con rồng luôn phun nước đưa bàn tay nhỏ e dè hứng những hạt nước long lanh bắn tung tóe trên ven bồn đá xám. Bờ sông xưa nay cỏ dại mọc đầy, những viên đá nâu đỏ của lối đi không còn nữa thay vào đấy lớp đất cát tung bụi dưới bước chân.

Cầu trường Tiền không còn vang tiếng guốc và chập chờn những tà áo trắng, nhưng đã có bóng người và màu sắc. Dọc theo đường Trần Hưng Đạo, bến xe, quán ăn, tiệm nước đầy thực khách, người ở Đà Nẵng trở về nhiều hơn người ra đi. Dấu hiệu tốt ở tiếng thở dài nhẹ nhõm của người hành khách khi bước xuống xe - “Rứa mà tui nói không ai tin, Huế có chi mô mà sợ ...”

Trời sập tối, tôi leo hàng rào nhảy vào căn nhà người cậu ... A! Cậu đây rồi. Ông cậu quắc thước khỏe mạnh ngày xưa không còn nữa, trước mắt tôi chỉ có một ông già, tóc và râu trắng bạc. Cậu run tay, mắt mở lớn nhìn thẳng cháu hoang đàng trở về trong lúc trời hết nắng, ngày tàn ... Con đây hả, ừ trời ơi ... Lâu chẳng biết con ở đâu, con đến lúc cậu đang cúng bà ngoại, cúng bà với bát muối mè và cái bánh chưng !

- Cậu không đi đâu?

- Không, Mậu Thân cũng vậy, cậu ở nhà, hôm nay lại là ngày kỵ bà, cậu không đi đâu hết !!

Chị tôi ở bếp lên, chị Nga đẹp để đài các của ngày xưa cũng đã thay đổi, đây là một người đàn bà mà chịu đựng đã đầy làm xạm mái tóc xanh ...

- Chị ở Đà Nẵng ra với cậu, chị tin sẽ không có một chuyện gì nữa, tất cả mọi chuyện cũng thể thôi. Sống là được, sống là hạnh phúc rồi ...

Tôi ăn bữa cơm gia đình sau bao nhiêu năm cách biệt. Đi ra khỏi nhà trong bóng tối dày đặc, đèn đường không có. Lối đi nhỏ lẩn trong đám hàng rào lá chè xanh dây kín. Dọc trên đường về sân bay Tây Lộc, hào bên phải bay ngát hương sen - Mùa hè rồi, mùa đẹp nhất xứ Huế, mùa của đêm trăng nhỏ giọt qua cành lá, bánh xe đạp rong ruổi trên đường nhựa vắng, lưng người con gái chuyền dịch bí ẩn sau chiếc áo mỏng và một khối tóc đen đong đưa kỳ ảo theo

bước chân, ẩn hiện bất chợt qua những hàng đậu lá che dày đặc. Mùa hè sống động kỳ ảo của Huế đây, bao giờ có lại những ngày xanh huyền hoặc đó, không còn nữa, tuổi nhỏ đã qua đi rồi ... Qua một quán nước, ánh nền vàng mật, cô gái bán hàng rạng rỡ giữa một đám lính trẻ, Quán Lưu Khách.

Một đời sống khác của Huế bắt đầu, bắt đầu lại trên hoang tàn nhưng còn nguyên cách thể phong lưu của hương sen kỳ vị đậm ngát một vùng trời đất. Trên cực điểm của trầm thống, bên cạnh những hào xưa thành cũ, những người tuổi trẻ ở Huế sẽ lớn lên, gạn lọc, tập trung năng lực để tồn tại và khia phóng ... Ước mong quê hương đó lớn đẹp và khỏe mạnh như tiếng cười giòn dã thẳng thắn của cô gái hồng sáng dưới ánh đèn dầu. Ước mong như một tạ lỗi muộn màng.

Bay trong hoàng hôn,

Tàu không bay thẳng ra đèo Hải Vân, nhưng bay dọc theo bờ biển ra Nam Ô. Trời đã chiều, nắng hết chỉ còn “dư âm” của ánh vàng trên cây cỏ. Từ trên cao nhìn xuống, biển Thanh Bình ngày nào không còn nữa, nhà lán ra sát mặt nước, nước xanh đục lộn cợn rác, bọt vàng của rêu và chất dơ. Hết cả rồi, chốn xưa, ngày mới lớn, đêm hè trong vắt lấp lánh sao, nửa đêm về sáng ngồi dậy đốt vỏ bánh xe nhìn ánh lửa, nhìn đại dương, nhìn Tiên Sa đen thẫm cùng Hải Vân vòng đường kín đặc, vòng núi hờ một khoảng ở hải đăng để thấy biển phía xa xanh xao dưới ánh trăng non. Mơ ước gì trong đầu óc tươi trẻ đó? Không biết, chỉ thấy lòng mênh mông thênh thang bay lên tiếng hát âm thầm phôi phôi. Hết, chiều nay trên độ cao gió lạnh nhìn xuống biển xưa vấy bẩn và lòng nặng trĩu nặng phiền phiền. Máy bay dọc theo biển để thấy rừng dương ở Nam Ô xơ xác, trơ rụi. Ôi khu rừng thơ mộng của ta mười bốn năm trước thế này sao. Rừng không còn, chỉ còn khu vườn dương liễu cần cỗi, bờ cát vàng độc đứng nay cũng thấp xuống tan hoang ... Không còn gì nữa, quả thật không còn gì nữa, như tuổi thanh xuân đã mờ khuất đi. Qua núi Nam Ô để thấy lại bóng mẹ xoa tóc ngồi hong nắng ... “Mẹ con mình là người đầu tiên ở Đà Nẵng đến tắm ở đây ...” Mẹ đã nói thế để khích lòng “giang hồ vật” của con trai. Đà Nẵng - Nam Ô 10 cây số đường dài quá xa cho một tuổi mới lớn.

Năm phút máy bay đủ đi hết một quãng đời niên thiếu, mau thật. Tôi tưởng như vừa qua lớp mộng dài.

Gió lạnh, phi cơ đã đâm thẳng ra biển để vượt Hải Vân, đỉnh núi bên trái phủ mây trắng, đường nhựa ở trên, đường xe lửa ở dưới, thấy rõ trước mắt hình ảnh đũa nhỏ tóc bay đưa chiếc đầu ra khỏi cửa sổ thành tàu nhìn xuống đại dương đen ồn tiếng sóng, sóng bạc đầu xô đẩy vào rả. Sâu hun hút, tưởng dưới xa như là chốn nghìn trùng không đến được ... Sửa lại thế ngồi đỡ mỏi chân, cong hai đầu gối sát ngực cho bớt lạnh. Lại giống hình ảnh đũa bé đem trừ tịch năm nào ngồi co ro trong một chiếc xe hàng trên đỉnh đèo sương phủ và gió rét. Tôi sống trong hai thế giới, trong hai chốn thời gian lúc trực thăng đồi cao độ vượt đèo ... Mình là ai? Đi đâu? Mong ước gì? Hơn mười năm chưa thấy rõ mình. Đời khó thật.

Trời vẫn còn sáng trên không, thứ ánh sáng mờ mờ của bóng tối sắp đến, xuống ở độ thấp 100 thước. 100 th. để thấy rõ từng nếp nếp nhà, sân đất, giậu tre và những cánh đồng xanh. quê hương bình yên và đẹp vô ngần trong ánh sáng cuối cùng của một ngày. Đầm Thủy Tú lặn tẩn sóng nhỏ trải dài như một thỏi kim cương xanh. Đầm mênh mông lặng lẽ dạt những vòng tròn xôn xao khi trực thăng bay qua, núi Túy Vân ẩn một nét đen đậm dịu dàng trên không gian và mặt hồ xám bạc. Túy Vân Sơn, tượng tượng đến hình ảnh ngày xưa đoàn thuyền lộng lẫy của Hoàng Gia trôi theo giòng nước đến nơi này neo bến và tiếng chuông cuối ngày lộng lộng trên sóng nhỏ tan dần vào hư không. Chiến tranh mệt mỏi của ngày dài di chuyển tan nhanh như sương mỏng, tôi mở to hai mắt, dựng đứng hết xúc cảm để nhìn hết, lấy hết toàn khối quê

huong đang nằm dài yên lặng dưới xa - Không thể có nơi nào đẹp hơn quê hương ta !Câu nói của cuốn sách thơ ấu được lập lại không định trước.Phải, quê hương ta quá đẹp, vẻ đẹp mộc mạc, bình lặng cao cả, quê hương là thiên nhiên cô đọng, quê hương tan biến hòa hợp vào cùng vũ trụ.Núi không cao, đầm không rộng, nhà mái tranh, con đò nan mảnh mai trôi lững lờ trên sóng nước hiền hòa, khuôn đất nhỏ vàng nhạt, từ trên cao vẫn tưởng được độ cứng và vẻ bóng bẩy phẳng lặng in từng đường chổi mới quét qua ... Quê hương thương yêu nồng nàn dưới đó, dưới độ cao 100 thước, trên lưng đàn trâu về chuồng, cong đôi sừng nghếch khuôn mặt chịu đựng, giương đôi mắt võ vàng nhìn tiếng động trên không.Lòng bồi hồi run rẩy như vừa qua khỏi chốn linh thiêng ... Bao nhiêu phần đất của quê hương còn đượm vẻ thanh bình này ?Chắc còn rất ít, hay chỉ còn lại trên ảnh trên tranh, trong trí tưởng, trong ao ước ... Vì khi máy bay vừa đến Huế, nhận được lệnh di tản thương binh, phi hành đoàn chỉ kịp và vội miếng cơm, lấy tọa độ bãi đáp và tầng số làm việc, bay liền hướng Hương Điền dọc Phá Tam Giang.Tiểu đoàn 6 và 8 TQLC vừa đựng trận.

Trời sập tối, cảnh vật xanh xanh xám xám, chút sương mờ đã dâng lên từ mặt nước.trực thẳng qua La Vân, Hương Cổ, Quảng Điền, những nơi chốn quá quen biết bao nhiêu lần xuôi ngược trên bờ lúa dọc con sông xanh thẳm lác đác những lá tre già.Tàu vượt Phá Tam Giang - A! Lại một chốn xưa huyền bí - Phá mông mênh bí mật u trầm, phá xôn xao chuyển dịch những lượn sóng xuôi ngược, phá nồng nàn say sưa như tuổi nhỏ khi đọc đến câu “Yêu em anh cũng muốn vô.Sợ trường nhà Hồ, sợ Phá Tam Giang.”Vật biểu lượng ngăn trở tình yêu là đây, tôi nhớ lại được nổi rung động náo nức của tuổi mới lớn.. Nhưng bỗng nhiên như luồng sét thật mạnh đánh sạt mặt, như kẻ bị phụ tình trong giờ khắc say đắm nhất, tàu đã bỏ mặt nước xanh để bay lên vùng cát trắng.Tôi lao đao như từ ánh sáng vào bóng tối, tôi tóe lửa ngộp ngộp hơi thở như gió thổi mạnh đập vào mặt.Nổi mơ mộng tan vỡ, vỡ bùng không còn chút níu kéo.tôi đang bay trên một quê hương điêu linh, không thể trốn chạy được ... Lũy tre xanh, bọt sóng đầm xô đầy, núi Túy Vân lặng lẽ, mảnh vườn đất phẳng, nụ cười sáng, bàn tay vẫn trên đồng xanh không có giá trị gì nữa.Quê hương đẹp đó quá ít, quê hương này, quê hương dưới chân, trên cát trắng quê hương trải dài theo biển từ Thế Chí, Đại Lộc qua Mỹ Thủy, Triệu Phong mới thật sự điển hình cho tàn tạ, tàn tạ tuyệt vọng câm nín của những “ổ” nhà nằm rải dài trên 30 cây số ngút ngàn lặng lẽ.Ba mươi cây số không nhà, chỉ độc một chuỗi ổ chuột sùm sụp ép mình trên cát, chơ vơ thụ động dưới mưa bom và đại bác - Tội quá trời ơi, năm xưa 1967, khi qua vùng này đã phải cúi mình xuống làm đôi để nhìn một gia đình một mẹ năm con ngồi ôm lấy nhau dưới mái lá như vợ mẹ bông con ngồi co mình nhìn lũ người cay độc ... Bao ngày qua, đời sống dưới mái lá đó càng thêm độ thâm.Không đồng lúa, không nghề chài, họ ăn gì, lấy gì để sống qua hằng hằng tháng ngày tân toan, rồi lại thêm bom rơi đạn rớt, bom đạn không phải chỉ một con một lúc nhưng phủ đầu và ngộp mặt.Trước 1967 đến bây giờ là bao lâu ?Còn con người chằng trên bãi cát trắng dưới những “ổ” lá nằm rải rác trên dải quê hương điêu tàn đó ?Có đàn lợn đi lang thang trên bờ biển, loài thú tầm thường bình yên, không thích hợp với hùng vĩ của đại dương chạy tán loạn khi nghe động cơ vang nổ ... Chữ Gia của tiếng Hán được biểu tượng bởi một mái nhà dưới có chữ Thi - Trên giải đất không nhà này đâu còn nơi nương náu cho loài thú tội nghiệp kia - Người sống làm sao được trong tan nát này hả trời ?Câu hỏi buồn cười tội nghiệp vang âm thầm làm nhói con đau nhức nhức ở nơi ngực.

Không thể gọi là “dây phố buồn hiu” nhưng phải gọi “dây quê hương thâm,” cũng chưa đủ cho nơi chốn tàn tạ hấp hối này.

Dậy đường tử khí,

Không khí tàn tạ của vùng Mỹ Thủy, Hương Điền, vẻ đau đớn lạnh cứng của xác người lính Thủy Quân Lục Chiến Tiểu Đoàn 8 khi gió thổi lớp Poncho dán chặt vào mặt để lộ chiếc đầu

tròn sống mũi thẳng, năm ngón tay tái xanh có những móng dài đầy đất của tôi hôm qua trên trục thẳng không còn nghĩa lý gì so với cảnh tượng trước mặt.

Tôi đang ở trên cây số 9 từ Quảng Trị kể đến, vùng thôn Mai Đăng, xã Hải Lăng. Không thể dùng một chữ, một tĩnh từ, không thể nói, khóc, la, trước cảnh tượng trước mặt, chỉ có thể im lặng, chỉ có thể nghiêng răng, bặm môi, dù răng vỡ, môi chảy máu tươi, tay luống cuống, mắt mờ nhạt, mũi phập phồng. Không có thể biết gì về thân thể đang mở ra trước sự tàn khốc trước mặt. Trời ơi ! Hình như có tiếng kêu mơ hồ dội ngược ở trong lồng ngực, trong cổ họng, nơi óc não, hay chỉ là ảo giác của con người mất hết khả năng kiểm soát. Kiểm soát làm sao được nhịp đập của quả tim, không ai ngăn cản cơn chớp liên hồi của đôi mắt, tay nổi da gà, những sợi gân ở thái dương phồng lên đập xuống - Mệt, máu chảy ngúc ngắc trần trở lẫn lóc khô khan khó nhọc trong những gân căng đến độ chót ... Cũng không phải như thế - Tôi không biết, hoàn toàn không biết được gì của xác thân.

Tôi không còn là người đang sống, vì sống là sống cùng với người sống, chia xẻ vui buồn, đau đớn lo âu với người sống. Chung quanh tôi, trước mặt chỉ còn một hiện tượng, một không khí - Chết. Phải, chỉ có sự chết bao trùm vậy cứng. Chỉ có nỗi chết đang phơi phới bùng bùng che kín không gian.

Đã sống trong cảnh chết của trận Đồng Xoài năm 65, trận Bình Giả năm 64, đã nằm cùng, ngủ chung với xác chết qua một thời gian dài, nhưng bên cạnh những nín lặng đau đớn của những cái chết này vẫn còn tiếng nói, tiếng động của người sống dù là tiếng khóc vật vã, lời kể lẽ thối thiết của những người mặc đồ tang lăn lộn trên xác chết đã sinh chương mới được kéo về sau bảy ngày tử trận. Những cảnh chết còn không khí người sống, tôi chịu được - sự chịu đựng khôn mạt chỉ có chiến tranh mới dạy được cho người. Và mới gần đây, An Lộc với những ngôi mộ vô danh, mộ tập thể, những cái chết căm lạng đến độ chót của đau đớn kinh hoàng, người cha trầm tĩnh đi tìm từng cái chân, cánh tay của năm đứa con vừa bị tan thân vì quả đạn đại pháo, nhưng lại còn được một nấc chót - Bên cạnh người chết vẫn có người sống - Người sống, dù với thể xác vô tri, đi đứng huyênh dịch như thú người cuồng tín bị thảm - Người điên buồn, điên lặng, điên câm nín, điên ở trong, điên chạy ngược, thắm đẫm, trĩu nặng từ tế bào thần kinh - Dù sao cũng là Người Sống. Ở An Lộc, tôi còn thấy được loại người cuối đáy đau thương đó. An Lộc lại quá nhỏ, chỉ hơn một cây số vuông, cái chết cô đặc lại, ngấp cứng vào người nhanh và gọn như nhát dao ngọt. Cái đau đến chớp mắt, người chưa kịp chuẩn bị thì đã lún hẳn vào trong ... Tôi cũng chịu đựng nổi, gồng mình mà chịu, chịu được như chiếc bóng căng phồng khí độc.

Ở đây, Giáp Hậu, Mai Đăng, Hải Lâm thì khác hơn An Lộc một bậc, hơn trên một tầng, tầng cao ngất chót vót, dài hơn An Lộc một chặng, dài hun hút mệnh mông. sự chết trên 9 cây số đường này là 9 cây số trời chết, đất chết, chết trên mỗi hạt cát, chết trên đầu ngọn lá, chết vương vãi từng mảnh thịt, chết từng cụm xương sống, đốt xương sườn, chết lẫn lóc đầu lâu, chết rã rời từng bàn tay cong cong đen đúa ... Nhiều quá, 9 cây số hay 9000 thước, mỗi thước trung bình hai bộ xương tung tóe, vậy tất cả là bao nhiêu? Chilly con số trung bình vì có chiếc xe hồng thập tự chở bánh vỡ sườn để lộ những bàn chân đen thò ra ở cửa đằng sau ... Chiếc xe Honda gãy đôi, còn sót lại hai đôi dép Nhật, người ở đâu ? Không làm phân biệt được tay này, chân kia, đầu lâu người nọ ... Chiếc xe công binh ủi một đường dài, những xác chết, không, phải nói những bó xương bị dồn cùng áo quần, vật dụng, chạm vào nhau nghe lóc cóc, xào xạc, “đống rác” người ùn ùn chuyển dịch, một chất nhờn đen đen ướt ướt lấp lánh trên mặt nhựa - nhựa thịt người !! Trời nắng, đồng trắng, con đường im lìm, động cơ chiếc xe ủi đất - phải gọi xe ủi người mới đúng - vang đều đều, hơi nắng bốc lên từng đường trên mặt nhựa, hơi nặng mùi ... Vạn vật chết trong lòng ánh sáng. Ánh sáng có mùi người.

Làm được gì bây giờ? Bịt mũi, che mồm, nhưng tất cả vô ích, hơi chết đọng trên da, chui vào mũi, bám trên áo, hơi chết hít vào phổi trôi theo máu. Tôi đang đứng trong lòng của sự chết. Tránh làm sao được, ai có thể ra khỏi khối không khí của nơi sống? Những cảnh chết tập thể của người Do Thái ở các trại tập trung gây nên niềm bàng hoàng xúc động vì người chứng kiến thấy được “xác người,” xác chồng chồng lớp lớp có thứ tự, gọn ghẽ nguyên vẹn... 9 cây số đường chết của Quảng Trị không còn được quyền dùng danh từ “xác chết” nữa, vì đây chết tan nát, chết tung tóe, chết vỡ búng ... Chết trên tất cả mọi cái chết. Không còn được “người chết” trên đoạn đường kinh khiếp đến tột độ của chôn què hương thê thảm. Giáp Hậu, Hải Lâm : Tên nhớ vào máu dù sau này tôi chết, ký ức cũng không thể phai ... Đã dùng hết tất cả chữ nghĩa có trong đầu, nhưng chưa đủ, chắc rằng chưa thể đủ được, tôi điều tiết hết cả thần kinh để đón nhận, ghi nhớ nhưng nhận không vừa, ghi không nổi ... Lòng bây giờ cũng như dây đàn đã đứt, chỉ còn thoảng âm ba cúng đồ mờ hồ không tìm giữa nổi chết. Đau choáng váng, ngất ngư dật dờ bởi thứ men chết dậy lên hùng hực như nắng sáng.

Pháo vẫn còn rơi ở phía trái con đường, rơi từng ba quả một, từ vùng Tây Bắc đến, người lính Công Binh vẫn từ từ cho xe ủi “người,” tôi vẫn lặng lẽ hút những hơi thuốc đặng. Nếu pháo nổ ở đây thêm hai xác người nữa thì có là bao ! Không gì lạ nếu tôi và người lính Công Binh này chết. Chẳng có nghĩa gì khi thêm hai đầu lâu mới, bốn cánh tay, bốn bàn chân và ít ruột gan rơi rớt đầm máu văng trên mặt nhựa này ... Đúng như thế vì những đầu kia, tay nọ chắc cũng đã qua một lần rung động, cũng có qua một vết kỷ niệm, một đời nồng nàn ước vọng, sung sướng và hạnh phúc. Bây giờ còn gì nữa đâu trong chiếc sọ đen nâu dính chút thịt nhão nát và lọn tóc khô rối rắm. Người đàn bà, sinh vật đã một lần yêu quý, đã một lần thiên đàng rực sáng của tình yêu, là hạnh phúc màu nhiệm của người mẹ ... Còn gì đâu trong chiếc sọ nồng thối lẩn lóc nọ ? ... Hết nơi cho Người, hết thật. Lọt vào 9 cây số này con người đã hoàn toàn tận diệt, sinh vật người hoàn toàn tận diệt. Hết, một chữ ngắn gọn để diễn tả con tan vỡ cùng cực ... Chỉ còn được mỗi chữ này.

Xe ra khỏi, không, phải nói rằng đó chỉ là cảm giác tự đánh lừa mình, vì không ai có thể ra khỏi được nổi chết trùng vây kín. Đến La Vang thượng, xuống đi bộ vào La Vang chính tòa, nơi bạn tôi, Tiểu Đoàn 11 Dù đang chiếm giữ. Hai cây số đường đất giữa ruộng lúa xanh cỏ, tôi đi như người sống sót độc nhất sau trận bão lửa đã đốt cháy hết loài người.

Đường vắng, trời ủ giông, đất dưới chân mềm mềm theo mỗi bước đi, gió mát và không khí thênh thang. Ngồi xuống vệ đường bỏ tay xuống ao nước kỳ cọ từng ngón một - Tôi muốn tẩy một phần sự chết bao quanh ? Có cảm giác lạ : tôi vừa phạm tội, tôi được sống. Phải, tôi có cảm giác như chính mình vừa giết người và dành quyền được sống, chính bàn tay này vừa tham dự vào trò tàn khốc ... Tôi nghĩ lộn xộn điều này nói lấy điều kia, hổ thẹn, uất ức, giận hờn, đau đớn và ... vô tri giác. Tôi muốn “chửi” Tướng Giai. Dù có bị thôi thúc, ép buộc từ một chiến lược nào đó ông ta cũng không thể bỏ Quảng Trị trong bất thần để đến nổi 9 cây số đường kia phủ thịt người. Tôi cũng muốn chửi Bắc Quân. Dù luật chiến đấu là phải thắng, nhưng ai nỡ bóp cò để B40, B41, 75 ly sơn pháo, từ trên những cao độ của Xuân Lâm, Trường Phước, Trường Thọ (những tên gọi sao cay đắng) nổ vào những “mục tiêu” xao xác - D0oàn người chạy loạn. Thắng trận ở đâu khi những mục tiêu đau đớn đó ngã xuống ? Tôi nghiệp, những người lính của Đại Đội 3 Quân Y còn tưởng đến giá trị của chiếc cờ trắng chữ thập đỏ nên đã trưng lá cờ thụ động vô nghĩa để băng qua sự chết. Bắc quân, hình như anh đã không có tình người, cạn tình người. Anh giải phóng cho ai khi đi giết con người ? Tôi muốn hỏi điều đó, hỏi vang vang, hỏi bằng tiếng thét đến vỡ cổ, bật máu, tôi muốn hỏi tại sao Người giết Người tinh táo và tàn tệ đến thế kia ? ... Từ nơi đặt súng đến “mục tiêu” không quá 1 cây số và gần nhất dưới 50 thước, anh không nghe tiếng thét khi Người chết sao ? Tôi muốn hỏi người lính miền Bắc với hết cả thống hận trong lòng. Cầm thù nào trên người đàn bà tóc rối bé con chạy xôn xao giữa giòng người tan nát ? Tôi muốn hỏi, hỏi ngàn lần, hỏi vạn lần người

mang danh hiệu là lính của Quân Đội Nhân Dân.Nhân Dân để gọi những ai ?Tôi muốn hỏi một triệu triệu lần bằng tiếng hét vô hình nổ bùng trong đầu óc khi ngồi giữa cánh đồng trống.

Muốn cào mặt, đâm ngực, cắt da để máu chảy thành giòng, để nhìn thấy mình cũng “được” đau đớn, chia sẻ.Tôi bắt mẫn với chính tôi trong trạng thái ù lý vô tri khi giương mắt nhìn rõ chiếc sọ người tóc rối.Phải, tôi cũng muốn chửi cả chính tôi, thật sự như thế ... Tôi cũng có tội, tôi cũng có tội đấy, trời ơi!!

Đi vòng vòng ở sân của Vương Cung Thánh Đường, nhìn tượng thiên thần, tượng Đức Mẹ, cây dương liễu cháy xám ... Những cảnh sắc và nơi chốn này đối với tôi là kỷ niệm không phai, nhưng bây giờ sau khi qua 9 cây số chết, lòng cứng, não trơ, tôi đi xiêu vẹo ngã nghiêng trong lòng nắng và gió nồng ... Ngửi và thấy toàn người chết.Trí óc không nghĩ được cái gì hơn ... Đi qua ngôi nhà xưa khi mùa đông 66, 67, tôi, Thừa, Hồ và anh Bảo ngồi ghéch chân lên gốc cây thông uống bia đá.Trời lạnh nhưng cũng phải uống nước đá, chúng tôi vừa ở núi, nơi đầu sông Thạch Hãn rút ra, 15 ngày trong đó ... Bây giờ những bạn xưa đã chết, tôi thì đang bị vây khốn trong một trời thống khổ, làm cái gì đây ?Còn gác chuông của nhà ông Trùm họ đạo : Tôi nhớ căn nhà này có một cô gái, Hồ đã trêu ghẹo cô ta một câu trước khi rút quân đi, Hồ chết đầu Xuân 68, cô gái bây giờ ở đâu ?Hay cũng đã chết tan trong một vùng lửa đạn.Bước qua gạch ngói của căn nhà đổ nát, tôi đến gác chuông kéo sợi dây, hai quả chuông quá nặng, phải kéo bằng cả hai tay ... Kính ... coong ... Tiếng chuông âm u vang động ; vang vào trong núi không nhỉ ?Nơi đây là một bình nguyên trùng điệp và Trường sơn bao vây nơi xa ... Vắng vẻ quá !Tôi nói thật lớn cho chính mình nghe.Chẳng biết nên làm gì ?Giật dây chuông thêm một lần nữa ...

Về theo chuyến tản thương, người thương binh nặng nhất chốc chốc ứa chút máu hồng, bên cạnh, gã tù binh bị thương nằm mê man ...

- Tụi này cứng cổ lắm, bị thương nó nằm lì để bắt mình vác đi, đ .m .. nó lại được nằm băng ca trong khi tụi phải bò bằng cùi chỏ !! Anh lính bị thương hai chân ngồi dựa thành xe chữa đống...

- Thôi, mình khá hơn tụi nó là chỗ này, lỡ cứu nó, cứu cho trót. Tôi tìm đường nói cho anh lính khuây khỏa, quả tình cũng không tin được lời nói của mình.Vì khi đi ngang căn nhà ở cạnh trụ sở xã Hải Lâm, nhìn cảnh người đàn bà ngồi “tước” từng sợi thịt ra khỏi xương người chồng.Người vợ ngồi kẹp đầugiữa hai gối, tước từng sợi thịt đã nâu đen nhão nát trên xương ống tay và chân ... Bà ta dùng bàn tay “xoa” lên trên lớp xương sọ, vừa để đuổi kiến vừa để tẩy phần da ương ướt mòng dính vào khối xương mũi, động tác bình thản thân ái như người vợ trong khi âu yếm tay lên mặt chồng.Ôn ơi là Ôn ơi !! Tiếng khóc nhức nhối than van gằm gừ trong cổ họng như đánh nhịp khi người vợ “nắm” đầu người chồng lên bằng hai ngón tay thọc vào ổ mắt “rầy” cho hết kén !Tôi biết gã tù binh nghe nhưng cố lờ, gã ngủ trên suốt đường đi tản mặt bệnh ra khiêu khích.Người lính của ta có thù hận một chút cũng không sao.Có điều không công bằng giữa hai phe lâm chiến, lính ta đánh giặc không thù hận, tôi biết điều này vì tôi cũng là một lính tác chiến.

Trên xe ra phi trường nghe câu chuyện của hai vợ chồng già quá giang ở băng sau, tôi chợt khám phá ra một điều : Dân chúng vùng Thừa Thiên, Quảng Trị đã sửa soạn đón chờ tàn khốc qua tiếng nói.Họ không nói, nhưng than vãn, kể lể, rên xiết.Nỗi oan khiên vô hình chập chùng trên mỗi âm, mỗi chữ, cách lên xuống của từng câu.Không nói quá đáng, từ lâu, đã cảm thấy nhưng chưa kiểm chứng cho đến hôm nay ba tháng mười ngày, lại một số lượng thời gian bí nhiệm mà người Trung cứ mãi nhắc tới, tức là 100 ngày của trận chiến cuối mùa, 3 mặt trận :

An Lộc, Kontum, trị Thiên đều cùng có một mẫu số chung : Dân Trị Thiên là nạn nhân đa số. Vì dân cạo mũ ở An Lộc, người dinh điền ở Kontum cũng là những di dân Quảng Trị. Thậm chí ở chiến trường Bình Giả, số lớn nạn nhân cũng không ai ngoài những người dân vừa mới di cư từ Cam Lộ, Khe Sanh vào ... Thôi đó là tai ương tiên định, Trị Thiên còn là Câu Ô, xứ sở của người Chăm mà người Trung gọi là Hời. Âm thanh sao nghe qua thê thiết, oán hờn, rồi lại còn giọng hò nữa ... Ai đã đứng ở bờ sông Bồ (chảy qua An Lỗ) sông Thu Rơi (Mỹ Chánh), sông Hương nghe giọng hò cất lên từ những khoang đò khi chiều vào tối mới hiểu được vì sao có những quê hương cứ mãi tàn tạ, oán hờn ... Định mệnh đã xếp đặt thế. Chì còn lời này để an ủi kiếp đắng cay.

Người lính Việt Nam,

Một nhiệm màu

Chiến trận vẫn tiếp diễn, tôi lại bị kẹt trong một guồng máy tầm thường hèn mọn, phải bị trói chân, buộc tay, hằng ngày dẫn một Đại Đội Địa Phương Quân đi chặt ô rô, cóc kèn, dứa nước, phải liên lạc, nhận lệnh từ những sĩ quan đặc ước cựu binh sĩ, Hạ sĩ quan của quân đội thuộc địa, những “cấp chỉ huy” sáng giá, những Tỉnh Trưởng, Quận Trưởng mà chủ đích của công việc là làm sao “vò” được một số tiền trước khi đổi đời, lộn giống ... Trong tầm thường cay đắng này, tôi cứng người vì hồ thẹn cùng nỗi uất ức điên cuồng lặng lẽ. Hết, phải già từ những chiến hữu hào kiệt, phải già từ những chiến trận mịt mù lửa dầy, phải già từ ngày căng thẳng giữa hai cọc sống - chết và đêm nóng đỏ của hơi bom rát mặt...

Ngày ngày ngâm chân xuống bùn sâu của những kinh rạch chằng chịt vùng Bến Lức, Long An, đêm dần bầy người lính nằm phục kích trên bờ ruộng, tôi nhìn sao, nhìn trời, nhìn cơn gió và ánh nắng, tưởng nhớ đến những nơi xa, nơi chiến trận trùng trùng giăng kín những người quen hay không quen ngã xuống trong mỗi giờ qua, mỗi ngày tàn. Tiểu Đoàn 11 Dù ở Quảng Trị vừa chết thêm một Đại Đội Trưởng - Nguyễn Phúc Long, Đại Đội Trưởng chỉ huy, như thế có nghĩa là pháo đã tăng cường độ, tăng rất cao, rất mạnh. Tiểu Đoàn 3 Dù chết anh Thiếu Úy Thủ Khoa một khóa Sĩ quan Trừ bị, cựu sinh viên luật từ Pháp về, con một ký giả, cựu Thủ Hiến, một Trưởng Hướng Đạo. Tiểu Đoàn 3 Dù nằm dưới Mỹ Chánh, vậy là chiến trận đã trở chiều. Rồi chiến trường Quảng Ngãi tăng cường độ. Bạn tôi, Lê Văn Nghĩa, Chi Đoàn Trưởng chiến xa lừng lẫy 1-4 mất tích ở mặt trận Quê Sơn, mất tích hay chết? Đau biết mấy, tháng trước Nghĩa vào Sài Gòn chạy đôn đáo để tìm tôi... Tìm tao làm gì hở Nghĩa, phải chăng mày biết đi khuất nên tìm kiếm để già từ! Ôi, bạn thân thiết của một đời mà bao nhiêu năm không gặp, lúc có thể gặp lại thì đời đã đóng cửa biệt ly. Đau, cảm giác đau đớn rì rầm soi mòn cơ thể trong tháng ngày tiêu hao làm tôi gầy đở từng vụn nhỏ. Ở vùng II, Tiểu Đoàn Biệt Động Quân của Ngô Văn Mai, Tiểu Đoàn giải phóng Bồng Sơn đang kêu gọi tôi đến, hăm hở sửa soạn chuyến đi dài với Biệt Động thì chiếc cùm cứng nặng đã gõ vào quanh cổ, làm gì đây? Giữa đám mây, cơn mưa chợt đổ ào xuống khi chân ngập dưới bùn lầy rạch Rít, tôi ngẩng đầu nhìn hạt mưa mà gọi đến chiến trường bạn hữu nơi xa tiếng thét lặng câm chát chứa những cay đắng lẫn ngâm ngùi. Rồi Thủy Quân Lục Chiến sau 27 tháng Bầy, thay thế Nhảy Dù để “dứt điểm” cỏ thành Quảng Trị. 12 giờ 45, ngày 25 tháng 7 tôi ở đây, chứng kiến Tiểu Đoàn 5 Dù “món” bờ thành và “dừng đại cái cò,” lời Đại Đội Trưởng Đại Đội 51/TĐ 5 Dù. Gần hai tháng qua đi, Tiểu Đoàn 6 Thủy Quân Lục Chiến đổi 6 Dù, 3 TQLC đổi 5 Dù, 9 TQLC đổi 11 Dù, Trâu Điền (2 TQLC), Quái Điều (1 TQLC) chặn đường cửa Bắc ngang sông Thạch Hãn, những Tiểu Đoàn Mũ Xanh quá quen thuộc, quá gần gũi với những Nghiêm, Liễn, Tiên, Hạp, những bạn thân, đây là chưa kể Tùng, Đê, Phúc, Kim, Tổng, những niên trưởng “đúng chỉ số” đã phải chịu bao nhiêu gian nan để bước chân vào nội thành, nơi tòa nhà của Tiểu Khu Quảng Trị ... Gian nguy, hình như danh từ này không đủ, không làm sao đủ được vì cỏ thành là gì, nếu không phải là cục đá vuông với bề dài mỗi cạnh 590 thước,

cao và dày 5 thước - Mục tiêu được đo bằng số chính xác đó gồm trăm ngàn viên gạch ghép lại đã thấm bao nhiêu lít máu ? Mua bằng bao nhiêu mạng người ? Bao nhiêu đời sống đã đánh đổi lấy bức thành rộng năm trăm thước vuông đó, bao nhiêu ? 27 tháng 7 - 15 tháng 9 là 48 ngày, và nếu kể từ 7 tháng 7, lúc Tiểu Đoàn 7 Dù vượt qua ngã 3 Long Hưng vào cách chi khu Mai Lĩnh 300 thước thì mặt trận thành phố Quảng Trị thực sự đã kéo dài trong 68 ngày, 68 ngày với lực lượng 4 tiểu đoàn Dù (5, 6, 7, 11) trong giai đoạn đầu và 8 tiểu đoàn TQLC (giai đoạn 2) cùng một liên đoàn BĐQ. Trong 68 ngày đó, đặc biệt là 48 ngày của Thủy Quân Lục Chiến, các tiểu đoàn của ta đã phải chiến đấu liên tục trên một chiến trường dài hai cây năm trăm thước từ ngã ba đường Lê Văn Duyệt, đường vào TRÍ BURU đến Long Hưng, ngõ vào Quảng Trị, và ngang một cây số hay 1000 thước - Những con số phải viết chính xác để nói lên một chiến trường hẹp cứng gai góc hết ý niệm chiến trận - Chiến trường có diện tích Hai ngàn năm trăm thước vuông đó đã được 15 tiểu đoàn bộ chiến bao vây và quét sạch từng thước đất, phải nói từng tấc đất nếu muốn giữ độ chính xác trong 68 ngày, 15 tiểu đoàn hay 7500 người phải đi qua 2500 thước vuông, vậy mỗi người có bao nhiêu thước chiến trận ? - Con số trung bình cho thấy 3 người lính có 1 thước vuông mục tiêu. Một thước vuông để tác chiến trong 68 ngày !! Quân sử thế giới trước và sau Quảng Trị, không còn một nơi nào, không thể có một chiến trường nào chặt cứng dứt hơi bằng Quảng Trị, Việt Nam ... Chắc chắn như thế. Trong 68 ngày đó, 6 tiểu đoàn pháo của hai sư đoàn Dù và Thủy Quân Lục Chiến đã bắn bao nhiêu trái đạn, dàn hải pháo của Hạm Đội số 7, phi cơ Việt Nam đã đánh 7 phi tuần xuống góc đông bắc cổ thành, mở đường cho Tiểu Đoàn 5 Dù ; 7 phi tuần gồm 14 phi xuất, một phi cơ trong một phi xuất đánh 12 trái bom từ 250 ký đến 500 ký ... Vậy trong 68 ngày, bao nhiêu bom đã rơi xuống trên mỗi phần đất của thành phố chiều dài không quá 15 phút Honda đó ? !! Quảng Trị ! Muốn kêu lên một tiếng nhỏ, muốn nhỏ một giọt nước mắt - Thành phố quê hương là thánh địa chịu nạn cho hết tai ương nhân loại - Không còn nơi chốn điều linh nào của địa cầu qua mặt nơi mang tên Quảng Trị. Không có một nơi nào.

Để kết luận, ta tìm một sự so sánh. Người Đức bao vây Stalingrad 76 ngày, người Mỹ giữ Bataan trong 66 ngày, Corregidor 26 ngày, quân lực Anh và Khối Thịnh Vượng Chung tử thủ Tobruk trong 241 ngày. Và gần gũi nhất, Điện Biên Phủ thực sự bị bao vây là 56 ngày. Những cuộc bao vây và tử thủ lừng danh này được thực hiện bởi súng Sten, Mat 36, Garant, Carbin M1, loại vũ khí hàng đầu của Bộ Binh Mỹ, Bộ Binh số 1 của thế giới !!! Những trận đánh để đời của quân sử thế giới đó có là gì so với Quảng Trị khi một anh Hạ sĩ nhất 17 tuổi, Trần Văn Rony của Tiểu Đoàn 6 Dù hạ gần 100 Cộng quân trong một ngày chiến trận ... Dưới đất là cá nhân chiến đấu khai triển tối đa, trên trời 1 pass B52 đi qua (sau 27 tháng 7, phi cơ Mỹ và B52 được lệnh đánh Quảng Trị) với 3 chiếc, một chiếc chở 42 trái bom 250 ký, 24 trái bom 500 ký, cùng đánh xuống trên diện tích không quá 500 thước bề dài ... Còn gì nữa không ? Quả thật không còn đủ chữ nghĩa để nói hết “nồng độ” của chiến trường. Từ ngã tư Quang Trung - Duy Tân, nơi Tiểu Đoàn 6 Dù bàn giao lại. Tiểu Đoàn 6 TQLC đã mất hết 48 ngày để đánh đến vào góc thành đông nam cổ thành Đinh Công Tráng - 48 ngày tác chiến dằng dặc thường trực trên trục tiến quân dài đúng 400 thước ; 400 thước đầy chốt, chốt gồm một tổ 3, 6 hoặc 9 người, gồm đủ B40 và thượng liên, chôn cứng dưới những công sự chịu đựng được bom, chốt được bao bởi một hàng rào cối “cơ hữu” từ những chốt lớn đằng sau và đại pháo 130 từ Đông Hà, Bến Hải, Khe Sanh bắn xuống - Qua được một tác đường, đến gần một điểm chốt là bò trên nổi chết cụ thể như lớp đất đá ngổn ngang mà bàn tay chạm phải khi lần mò tìm kiếm lối đi ... 400 thước cho 48 ngày tác chiến không dứt thở, còn điểm “thông hơi” nào của chiến trận để chiến sĩ ta chịu đựng khỏi dứt hơi.

Thế nhưng người lính đã sống còn và chiến đấu được, chiến đấu hào hùng hùng hực quyết tâm, 30 tháng 3 kể đến giờ này là 6 tháng hay 280 ngày đổ lửa, người chiến sĩ ta có đêm nào ngủ được quá 4 giờ, bao lần bình yên cảm cái chén để từ tốn và miếng cơm nóng, người lính ta đã bắn bao nhiêu ngàn viên đạn, đã dựng mắt thức trắng mấy ngàn giờ ... Cái thân thể gầy

gò nặng dưới 50 ký lô mang bốn ngày thức ăn và gạo, một bộ áo quần, chiếc poncho, võng, 600 viên đạn XM16, 6 trái lựu đạn M26, 1 hỏa tiễn M72, nón sắt và khẩu súng - Tất cả khoảng 40 ký - 40 ký đè nặng trên tấm lưng gầy còm hần dưới xương sống trong 6 tháng để đi qua vực thẳm của nỗi chết trùng trùng, người lính còn là “nạn nhân” thụ động đến độ thể thâm của trò chơi chính trị được cò kè mặc cả ở những căn phòng kín cửa. Đưa bàn tay chỉ còn một ngón, người sĩ quan của Trung Đoàn 57 Sư Đoàn 3 chỉ vào tượng Chúa ở ngực để nói “ “Tất cả những điều tôi nói là sự thật - Đầu tháng Tư trấn giữ ở phía bắc Đông Hà chính mắt tôi thấy 6 khẩu đại bác của Bắc Quân khai hỏa ở Ngã Tư Sông (Gio Linh) cách tôi không đầy 3 cây số, phi cơ Mỹ được gọi tới và đánh cách mục tiêu 12 cây số ... Khẩu đội đại bác Bắc Quân để sát cạnh đường vào làng Kim Môn dưới chân đèo Ba Dốc, những điểm địa hình quá dễ nhận trên địa thế, vậy không có một lý do nào bảo tôi nhầm lẫn chằm sai mục tiêu cả 12 cây số !! Và rõ ràng nhất là ngày 25 tháng 7, ngày Tiểu Đoàn 5 Dù bám được bức tường đá Cổ Thành Quảng Trị, chỉ có mỗi phi cơ A37 của Không Quân Việt Nam yểm trợ cho đến 12g45, khi Nguyễn Tấn Sĩ thúc lính bò lên thành, buổi chiều Không Quân Hoa Kỳ can thiệp, đội bom nội thành - Kết quả vì hai trái bom đánh nhầm, Tiểu Đoàn 5 mất đà, khựng lại và đội ngược ... Sư Đoàn Dù trống ngã bến Chùa, đường qua sông Thạch Hãn về Nhan Biều, Ái Tử - Đường tiếp vận của Bắc quân ... 9 tiểu đoàn Dù chỉ vừa đủ rải dài từ Mỹ Chánh đến Quảng Trị, từ đường chiến thuật 556B ra đến quốc lộ một lữ đoàn để chặn con đường Ái Tử - Nhan Biều - Cổ thành là ước vọng tha thiết của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Dù hay cũng chính của Tướng Trương ... Ước vọng được căng dài trong 2 tháng không thực hiện !! Thế nên dù Tiểu Đoàn 5 Dù là tiểu đoàn hàng đầu của binh chủng, dù Tiểu Đoàn 6 là tiểu đoàn đã làm phép màu ở An Lộc, hai tiểu đoàn này có gồm những người lính đúc bằng thép cũng không thể dựng cờ Cổ Thành, không thể nào dựng được trong những điều kiện thuận lợi tái người như đã nói. Vậy bám được bờ thành như buổi sáng ngày 25 tháng 7 đã là một chiến công kỳ diệu. Chỉ có thể làm được với Tiểu Đoàn 5 Dù, đơn vị đã khai sinh sau vì tương cho quân lực. Tướng Ngô Quang Trưởng khởi đầu võ nghiệp cũng với Tiểu Đoàn 5 Dù.

Người Lính Việt Nam đã chiến đấu và tồn tại như một nhiệm màu. Trên màu nhiệm bình thường lặng lẽ này Tổ Quốc điều linh thổ từng hơi ngấn đón đau nhưng bền bỉ ... Chư nghĩa hoàn toàn vô nghĩa trước chân dung bi tráng hùng vĩ của người và quê hương.

Việt Nam tháng 10, 1972.

Đêm Trên Bờ Thạch Hãn

Định mệnh, phải gọi sức mạnh bí ẩn và linh thiêng đó thêm một lần.. Phải, chỉ định mệnh mới có thể xếp đặt, dàn xếp tất cả tai ương, hạnh phúc, địa ngục, thiên đàng cho con người. Những sự kiện kinh hoàng nhất đã xảy đến, những thống khổ đọa đầy nhất đã hiển hiện, tất cả tàn khốc chất ngất chiến tranh đã ào xuống trên Quảng trị, kéo dài qua Đại Lộ Kinh Hoàng trong mùa hè trước thì năm nay 1973, bắt đầu cho những ngày hè mới trên thành phố tan nát nhỏ bé này - Thành phố, chữ viết đến quá ngại ngùng ... Vì đóng gạch đá vĩ đại kia có phải là một thành phố không ? - trên đoạn đường số 1 mà chỉ 365 ngày trước đây, hàng ngàn người đã nằm xuống với hiện thực của một địa ngục trần thế ... 365 ngày đi qua, trên bụi cỏ còn vương dấu mảnh áo quần cháy nám của người chết, trên lớp cát xám lạnh theo cơn gió đôi khi thoáng thoảng mùi thịt da chưa tan biến hết và hằng ngày, hằng giờ trên Quảng Trị, “thành phố” không tiếng nói, không nóc nhà, lũ chó hoang sục sạo tung hoành tìm kiếm mùi chủ cũ ... Trên dấu vết mới tinh của mùa hè khốc liệt vừa qua, những ngày hôm nay, mùa Hè 73 là sân khấu để diễn ra một tấn kịch khác - kịch Hòa Bình - Bờ sông Thạch Hãn, nơi trao đổi tù vĩ đại của một nền hòa bình lạnh buốt sống lưng - Định mệnh, chỉ có sức mạnh siêu hình này mới giải thích được

Máy bay đi qua An Lão, qua Phong Điền, qua Mỹ Chánh, trời mù sương nên trực thăng bay sát mặt đường ... Tôi lại thấy cầu Dài, cầu Ngẩn, thấy hỗn độn trên cát trắng cảnh chết của toàn thể con người mà dấu vết sau một năm dài vẫn còn hằn hằn trên màn mắt ... Nhưng trước mặt, hai bên, trên chiếc trực thăng bây giờ tôi đang bị vây quanh bởi nón ông soa, nón cối, áo đại quân, áo tác chiến vải kaki Nam định và thuốc lá Điện Biên bay mùi khét ... Thượng Đế ơi, phải chăng người muốn ném tôi vào một cơn đù !!? Hằng ngày đi bộ từ nơi của Nghiêm, (Tiểu Đoàn Phó TĐ ! TQLC) căn nhà lâu có lò gạch mà mùa Xuân Mậu Thân tôi đã đến ở và chiến đấu ... Trí nhớ vận dụng tối đa cũng không thể xác định được nơi chôn đã một lần trú ngụ ... Và Quốc Lộ 1, đường Nguyễn Hoàng, đường Gia Long, trạm xăng xưa tôi và Mễ mua xăng theo lối “ung hộ,” quán sách đối diện Cổ Thành, quán bún bò ở bờ sông ... Tất cả chôn xưa mỗi ngày mỗi giờ đi qua vẫn không thể tìm ra dấu tích ... Quảng Trị ơi, trái tim muốn vỡ tan dưới tiếng than im lặng. Và tôi lại đến ngồi ở bến sông, nơi tọa độ YD3 ... Lịch sử, hòa nhã, kiềm chế hết phần nộ, đề xuống hết tức tưởi ... Thông báo cùng quý vị, thể hiện tinh thần hòa giải, thi hành nghiêm chỉnh Nghị Định Thư ... Tôi phải đối mặt với một kẻ thù vẫn còn rất mới. Ngày này, tại đây, mùa hè năm trước. Trước mặt, Quảng Trị tan vỡ chập chùng qua lớp nước mắt vô hình.

Thương thân, thương bè bạn, thương người, thương thành phố. Nỗi thương mên mên mông nhưng dày đặc, thương mền rộn rã đau đớn, thương mền ngất bòn chôn ... Mỗi lần ngồi xuống chiếc canô chạy qua bờ bắc Thạch Hãn, thấy lá cờ vàng phát phới trên điêu tàn - lòng trùng xuống, độ phiền muộn sâu như hố thẳm ... Đêm khuya, sương mù mịt, trăng lạnh dội xuống giòng sông đang lách tách con nước về biên xa, nhìn phía núi nơi bạn thân đang co mình dưới hầm để qua cơn pháo tập trung từ Gio Linh đổ xuống ... Đêm qua dần dần, ngày đến, trăng lặn vào nơi xa, màu vàng đục phiền muộn như nổi uất ức ... Ngày hết hẳn, trời sáng, lính và dân tập hợp đầy ở bờ sông để đón “anh em mình” về và chứng kiến những phương thức biểu lộ “đấu tranh cách mạng” hạ cấp, cố chấp và bỉ ổi của lũ tù được trả về bên kia - Nơi không có con người ... Đứng trong đêm, nghĩ chuyện trong ngày để thấy bội phục vô vàn lòng cao cả và sức chịu đựng siêu đẳng của Người Việt Miền Nam - Những người lính vừa qua đêm dài dưới pháo nổ và người dân còn hằn vết dấu kinh hoàng - Quảng Trị, nơi họ chứng kiến lũ tù Cộng Sản đi qua thoảng tiếng tru của lũ chó hoang đi tìm chủ.

Lòng cố chấp và sự căm hờn, những khuyết điểm mà người viết dù ở hoàn cảnh nào cũng phải nên chối bỏ. Nhưng trong hoàn cảnh đau đớn này, phải cho tôi quyền phần nộ - Tính chất cần thiết để bảo vệ con người trước bạo lực. Cuốn sách đã hình thành trong cơn đau đớn, lần in thứ hai này người viết xin được gửi kèm theo một tình ý mới - Xin được coi như một vũ khí bảo vệ con người. Lời nói không phải mang tính chất kịch cỡm của một đại ngôn lão xược nhưng xin được nghĩ là sự cầu khẩn phát xuất từ một người Việt Nam trong hoàn cảnh bi thiết hào hùng - Hoàn cảnh của chính quê hương Việt Nam.

Một năm qua, những người lính được kể đến đã có nhiều biến đổi. Rất nhiều người thay cấp bậc và chức vụ, nhiều người tạm biệt chiến trường và những người đã ... chết. Bên cạnh đó, có những người sống lại, những người trở về và hòa ngục Cộng Sản đã được xác nhận là một thực thể. Đồng thời những chuyện đi kế tiếp còn cho biết có rất nhiều trận lớn đã không được ghi nhận, như trận “Quận Triệu Phong” của Tiểu Đoàn 1 TQLC, trận đánh mẩu chốt mở đường cho chiến dịch tái chiếm Quảng Trị - Quận đường Triệu Phong, chốt chặn đường tiếp vận của Bắc quân từ phía bắc theo sông Thạch Hãn vào Quảng Trị. Thế nên, phải xin lập lại một lần câu tạ lỗi. Một cá nhân trong thời gian giữa các chuyến đi không thể nào có khả năng ghi nhận đủ toàn thể một cuộc chiến vĩ đại. Cuộc chiến vượt hết cả cuộc chiến lịch sử chiến tranh loài người.

Quảng Trị- Tháng 3-73 HẾT